

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Số: 162/BC-DVKT-KTKH

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) trong năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2022

1. Tình hình chung và kết quả thực hiện SXKD năm 2022

a. Thuận lợi

- Hỗ trợ của cổ đông lớn PV Power trong việc triển khai các Hợp đồng dài hạn đã ký tại các Nhà máy điện (NME) Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và Nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) Vũng Áng 1.
- Công tác thanh toán Hợp đồng sửa chữa thường xuyên các Nhà máy điện tương đối kịp thời giúp Công ty cải thiện việc cân đối dòng tiền đủ chi trả tiền lương hàng tháng cho Người lao động.
- Tập thể Ban lãnh đạo, Người lao động đoàn kết chung sức/chung lòng nêu cao tinh thần trách nhiệm thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình, tăng cường công tác quản lý, quản trị, tiết kiệm/tiết giảm tối đa chi phí quản lý góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Được tạo điều kiện để tiếp cận các dự án Sông Hậu 1, Thái Bình 2 phục vụ công tác nghiệm thu chạy thử, tiếp cận các thiết bị/công nghệ nhà máy nhằm chuẩn bị cho công tác bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) thường xuyên sắp tới.

b. Khó khăn

- Doanh thu bảo dưỡng sửa chữa của: (i) Hợp đồng SCTX Cà Mau 1&2 ghi nhận phát sinh giảm cả năm 2022 là (-5,83) tỷ đồng do sửa chữa bất thường kỹ thuật thiết bị dẫn đến việc dừng tổ máy GT11 và GT12 trên 30 ngày thực hiện SCDK; (ii) Doanh thu Đại tu NME Cà Mau 2 giảm (-29,34) tỷ đồng do chuyển sang năm 2023; (iii) Doanh thu BDSC thường xuyên NME Vũng Áng 1 giảm (-8,64) tỷ đồng do Tổ máy 1 dừng máy sửa chữa sự cố đến hết năm 2022 (dự kiến kéo dài sang quý I/2023). Giá trị giảm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của PV Power Services, Công ty bắt buộc phải đưa ra các phương án bù lỗ và tiết giảm/tiết kiệm chi phí cũng như sử dụng hiệu quả

nguồn vốn và tăng cường các công tác phát triển dịch vụ để đảm bảo lợi nhuận kế hoạch cả năm và các chỉ tiêu doanh thu và thu nhập người lao động.

- Công tác thu hồi công nợ của Hợp đồng BDSC NME Nhơn Trạch 1: Công nợ tồn tại từ năm 2017, 2018, 2019 với giá trị khoảng 5,9 tỷ đồng chưa được thanh quyết toán, các bên đang tiếp tục phối hợp thực hiện.
- Nhằm gia tăng doanh thu và mở rộng đối tượng khách hàng, Công ty đã tìm kiếm thêm các khách hàng mới ngoài các khách hàng truyền thống là các nhà máy điện của PV Power. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các hợp đồng dịch vụ ngoài, nhiều thời điểm trùng với các kỳ sửa chữa lớn của Công ty nên dẫn đến thiếu nhân sự kỹ thuật cao và công cụ dụng cụ để thực hiện công việc, dẫn tới phải thuê ngoài làm tăng chi phí, giảm cạnh tranh.

Nhận thức được các khó khăn, thuận lợi trên, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động trong công tác điều hành, bám sát các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, phân đấu hoàn thành kế hoạch được giao, kết quả đạt được như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH(%)
I	Tổng doanh thu	272,19	267,35	98,2%
I.1	Doanh thu từ dịch vụ trực tiếp của PVPS	270,13	259,03	95,9%
1	Doanh thu trực tiếp phần các hợp đồng bảo trì (đã bao gồm doanh thu NME Sông Hậu 1, doanh thu phát sinh NME Vũng Áng 1)	228,88	197,37	
2	Doanh thu phát triển KDDV ngoài các HĐ dài hạn đã ký với PV Power	40,35	53,97	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	0,5	5,51	
4	Thu nhập khác	0,4	2,18	
I.2	Doanh thu từ Nhà thầu OEM các Nhà máy theo các HĐ bảo trì dài hạn	2,06	8,14	
I.3	Doanh thu thực thanh thực chi		0,18	
II	Tổng chi phí	251,99	244,11	96,9%
III	Lợi nhuận trước thuế	20,20	23,24	115%
IV	Lợi nhuận sau thuế	16,16	18,47	114%
V	Các khoản nộp NSNN	20,31	20,35	100,2%

Đánh giá tình hình thực hiện:

- ❖ **Doanh thu:** Tổng giá trị thực hiện năm 2022 là 267,35/272,19 tỷ đồng, đạt 98,2% kế hoạch, giảm (-4,84) tỷ đồng, trong đó:

- *Điều chỉnh giảm (-43,81) tỷ đồng, cụ thể:*
 - (i) Doanh thu Đại tu NMD Cà Mau 2: giảm (-29,34) tỷ đồng do chuyển sang năm 2023 thực hiện;
 - (ii) Doanh thu SCBD thường xuyên NMD Cà Mau 1&2: giảm (-5,83) tỷ đồng do dừng tổ máy GT11 và GT12 trên 30 ngày thực hiện SCĐK;
 - (iii) Doanh thu BDSC thường xuyên NMD Vũng Áng 1: giảm (-8,64) tỷ đồng do Tổ máy 1 dừng máy đến hết năm 2022.
- *Điều chỉnh tăng 38,97 tỷ đồng, gồm:*
 - (i) Doanh thu Đại tu NMD Cà Mau 1: tăng 2,56 tỷ theo thực tế thực hiện;
 - (ii) Doanh thu Hợp đồng Nhơn Trạch 1: tăng 4,05 tỷ đồng, trong đó: doanh thu SCTX tăng 3,11 tỷ đồng do ghi nhận doanh thu thực tế khi không giảm sản lượng và doanh thu SCĐK tăng 0,94 tỷ đồng theo thực tế thực hiện;
 - (iii) Doanh thu Hợp đồng Nhơn Trạch 2: tăng 0,37 tỷ đồng theo thực tế;
 - (iv) Doanh thu phát sinh Hợp đồng Vũng Áng 1: tăng 2,31 tỷ theo thực tế;
 - (v) Doanh thu cung cấp nhân công hỗ trợ dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2: tăng 1,25 tỷ đồng theo thực tế thực hiện của Hợp đồng;
 - (vi) Doanh thu cung cấp nhân công hỗ trợ dự án Nhà máy điện Sông Hậu 1: 1,75 tỷ đồng theo thực tế thực hiện của Hợp đồng;
 - (vii) Doanh thu phát triển dịch vụ ngoài: tăng 13,62 tỷ đồng theo thực tế;
 - (viii) Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác: tăng 6,78 tỷ đồng;
 - (ix) Doanh thu OEM: tăng 6,08 tỷ theo thực tế.
 - (x) Doanh thu thực thanh thực chi: 0,18 tỷ đồng, không tạo ra lợi nhuận.
- ❖ *Tổng chi phí ước thực hiện: 244,11/251,99 tỷ đồng, đạt 96,9% kế hoạch.*
- ❖ *Lợi nhuận trước thuế: 23,24/20,20 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch.*

Các khoản doanh thu sụt giảm sâu nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD của toàn Công ty. Tuy nhiên Công ty đã tăng cường công tác tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản mục chi phí quản lý; chưa thực hiện đầu tư/mua sắm một số tài sản/trang thiết bị chưa thực sự cần thiết, mặt khác vẫn duy trì ổn định chế độ, tiền lương, thu nhập cho người lao động và đảm bảo lợi nhuận thực hiện cả năm 2022 vượt kế hoạch đề ra.

2. Các hoạt động chính của Công ty:

2.1. Công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện:

a. Đối với các NMD thuộc Tổng Công ty:

- Thực hiện công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý sự cố các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và NMD Vũng Áng 1, hoàn thành 100% khối lượng công việc so với kế hoạch đề ra đảm bảo các nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả, đạt độ khả dụng và độ tin cậy cao.

- Hoàn thành công tác sửa chữa định kỳ các NMD đảm bảo an toàn, chất lượng và theo tiến độ các bên đã thống nhất, cụ thể:
 - + Đại tu NMD Cà Mau 1 tại 100k EOH năm 2022: hoàn thành đúng tiến độ
 - + Đại tu NMD Cà Mau 2 năm 2023: Đã thống nhất phạm vi công việc và vật tư với Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau theo biên bản làm việc ngày 20/7/2020. Đại tu NMD Cà Mau 2 sẽ thực hiện dự kiến từ ngày 10/7/2023 đến ngày 24/8/2023. Công ty đang tiếp tục phối hợp và bám sát Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau về kế hoạch đại tu NMD Cà Mau 2 để thực hiện các công tác chuẩn bị.
 - + Trung tu NMD Nhơn Trạch 1 năm 2022: Đã hoàn thành 100% công tác Trung tu tổ máy GT11&ST18 NMD Nhơn Trạch năm 2022 đúng tiến độ (từ ngày 01/9/2022-14/9/2022).
 - + Tiểu tu 91k EOH Nhà máy điện Nhơn Trạch 2: Hoàn thành 100% công tác Tiểu tu NMD Nhơn Trạch 2 đúng tiến độ (từ ngày 01/9/2022-13/9/2022).
 - + Đại tu 100k EOH NMD Nhơn Trạch 2 năm 2023: PV Power Services đã lập phạm vi công việc, danh mục vật tư thực hiện trong Đại tu 100k EOH NMD Nhơn Trạch 2 năm 2023 và đang bám sát CĐT để thực hiện các công tác chuẩn bị.
- Tham gia thực hiện công tác đại tu tổ máy số 1 NMD Vũng Áng 1 năm 2022: Cung cấp dịch vụ đại tu bơm nước ngưng 2A; Cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa hệ thống máy nghiền than; Cung cấp dịch vụ đại tu hệ thống van hơi Tuabin, hệ thống phụ trợ Tuabin - máy phát; Cung cấp dịch vụ đại tu hệ thống lò hơi, hệ thống ESP, FGD, SCR; Cung cấp dịch vụ đại tu hệ thống bơm nước ngưng, bơm nước cấp, Tuabin dẫn động bơm nước cấp và thuê chuyên gia thực hiện công tác đại tu hệ thống bơm nước cấp và tuabin dẫn động...
- Hoàn thành, nghiệm thu Hợp đồng số 08/PVPSTSC- PVPS/2021/DV.CM về việc Xử lý hiện tượng chống ăn mòn dòng chảy (FAC) của lò thu hồi nhiệt NMD Cà Mau 1 năm 2021.
- Hoàn thành, thanh quyết toán Hợp đồng Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hệ thống thiết bị công nghệ Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2022.
- Cung cấp nhân sự cho Siemens thực hiện Đại tu NMD Cà Mau 1 tại 100k EOH năm 2022; Tiểu tu trung gian các tổ máy tua-bin khí và kiểm tra các máy phát điện NMD Cà Mau 2 và công tác sửa chữa bất thường cuộn dây máy phát điện NMD Cà Mau 2 theo Phụ lục phát sinh số 02/2022.

- Thực hiện công tác cung cấp nhân sự tiếp cận dự án và chuẩn bị sẵn sàng tham gia thực hiện công tác BDSC NMD Thái Bình 2, NMD Sông Hậu 1.

b. Đối với các NMD/Công trình công nghiệp ngoài Tổng Công ty

- Tiếp tục thực hiện Hợp đồng sửa chữa định kỳ và thường xuyên một số hạng mục công việc tại Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh.
- Ký mới Hợp đồng sửa chữa thường xuyên (xưởng năng lượng, xưởng công dụng) ngày 01/10/2022 với Formosa Hà Tĩnh giá trị 67 tỷ đồng – thực hiện trong 03 năm.
- Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng máy móc thiết bị, vệ sinh công trình Sân phân phối 500kV, 220kV Trung tâm điện lực Long Phú.
- Cung cấp nhân sự hỗ trợ công tác giám sát, thi công sửa chữa định kỳ tuabin khí tại Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- Hoàn thành, thanh quyết toán Hợp đồng lắp đặt nhà máy Thủy điện Chư Pông Krông.
- Tiếp tục hoàn thiện các tồn tại và nghiệm thu Hợp đồng Lắp đặt, thí nghiệm thủy điện Tr'Hy.
- Tiếp tục thi công Hợp đồng Lắp đặt, thí nghiệm thủy điện Nước Chè.
- Tiếp tục thi công Hợp đồng Lắp đặt, thí nghiệm thủy điện Đăk Ba.
- Hoàn thành, thanh quyết toán Hợp đồng Thí nghiệm định kỳ nhà máy điện mặt trời Bình Nguyên.
- Hoàn thành, thanh quyết toán Hợp đồng Thí nghiệm định kỳ nhà máy thủy điện Đồng Văn.
- Hoàn thành thi công Hợp đồng Đại tu thiết bị cơ điện nhà máy và trạm biến áp 35kV - Nhà máy thủy điện Đăkrông 3.
- Thi công và hoàn thiện các tồn tại Hợp đồng Lắp đặt, đấu nối căn chỉnh toàn bộ vật tư thiết bị Thủy điện Trà Linh 2 và NLMR tại Trạm cắt 110kV Trà Don.
- Triển khai thi công Hợp đồng Sửa chữa, khắc phục sự cố ngập lụt thiết bị cơ điện - Nhà máy thủy điện Nước Chè.
- Hoàn thành cung cấp dịch vụ kỹ thuật GT Fitter, ST Fitter và Electrician cho Siemens trong công tác Đại tu NMD Phú Mỹ 3 năm 2022.

2.2. Công tác đầu tư mua sắm

Trong năm 2022, PV Power Services thực hiện đầu tư mua sắm với giá trị là: 4,27/4,92 tỷ đồng, đạt 86,80% kế hoạch (do Công ty tăng cường tiết kiệm/tiết giảm những khoản mua sắm chưa thực sự cần thiết), trong đó:

- + Mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định: 0,53/0,70 tỷ đồng.
- + Mua sắm công cụ dụng cụ: 3,74/4,22 tỷ đồng.

2.3. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Với mục đích xây dựng đội ngũ CBCNV Công ty thành thạo về nghiệp vụ, bắt kịp được sự phát triển về khoa học kỹ thuật của khu vực, góp phần thực hiện tốt chiến lược sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và Công ty.

Trong năm 2022, Công ty đã rà soát, đánh giá và lựa chọn 17 CBCNV đáp ứng tiêu chuẩn chức danh chuyên gia, cụ thể: Chi nhánh Cà Mau 03 người. CNNT 10 người và CNHT 04 người.

Kết quả thực hiện đào tạo trong năm 2022, Công ty thực hiện đào tạo cho 63 lượt người/112 lượt người (đạt 56,25% KH) với tổng mức kinh phí là 843,5 triệu đồng/2.354 triệu đồng (đạt 35,83% KH), trong đó:

- + Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên cho 05 lượt người với tổng dự toán là 8,5 triệu đồng.
- + Đào tạo chuyên sâu theo kế hoạch cho 29 lượt người với tổng dự toán là 648 triệu đồng.
- + Đào tạo nội bộ cho 29 lượt người với tổng kinh phí là 187 triệu đồng.

2.4. Công tác lao động, tiền lương

a. Công tác lao động:

Bộ máy tổ chức nhân sự của PV Power Services đã được kiện toàn từ năm 2020 và hoạt động ổn định, tính đến ngày 31/12/2022 có tổng số: 438 lao động (Số lao động bình quân năm 2022 thực hiện: 470 người), với cơ cấu tổ chức:

- Ban lãnh đạo (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và KTT): 07 người.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ: 01 người.
- Các phòng chức năng:
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính : 16 người.
 - + Phòng Tài chính - Kế toán : 08 người.
 - + Phòng Kinh tế - Kế hoạch : 11 người.
 - + Phòng Kỹ thuật - An toàn : 12 người.
 - + Phòng Kinh doanh : 12 người.
- Các Chi nhánh:
 - Chi nhánh Cà Mau : 75 người.
 - Chi nhánh Nhơn Trạch : 79 người.
 - Chi nhánh Hà Tĩnh : 204 người.
 - Chi nhánh Đà Nẵng : 13 người.

Cơ cấu, chất lượng lao động:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022
I	Theo giới tính	Người	438
1	Nam	-	387
2	Nữ	-	51
II	Theo độ tuổi	Người	438
1	Dưới 30 tuổi	-	36
2	31-39 tuổi	-	258
3	40-49 tuổi	-	116
4	50-55 tuổi	-	23
5	Trên 55 tuổi	-	5
6	Tuổi bình quân	-	38
III	Theo trình độ đào tạo	Người	438
1	Tiến sỹ	-	0
2	Thạc sỹ	-	19
3	Đại học	-	216
4	Cao đẳng	-	45
5	Trung cấp	-	88
6	CNKT + Lái xe	-	70
7	Lao động phổ thông	-	0

b. Công tác quản lý lao động:

- Công ty đã rà soát, giao định biên cho các Phòng/đơn vị với định biên lao động toàn Công ty là 571 người (trong đó có 112 người dự nguồn CBSX cho NMNĐ Sông Hậu 1).
- Công ty đã giải quyết thôi việc, chuyển công tác đối với 56 nhân sự; giải quyết nghỉ hưởng chế độ hưu trí đối với 01 nhân sự; Thôi giữ chức vụ 01 Phó Giám đốc Công ty; Bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Công ty phụ trách công tác kỹ thuật; Bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc Công ty; Luân chuyển và bổ nhiệm 03 cán bộ; Bổ nhiệm mới 03 cán bộ Lãnh đạo Phòng chức năng/Chi nhánh trực thuộc; Bổ nhiệm 03 cán bộ thuộc các Phòng/Phân xưởng tại Chi nhánh Hà Tĩnh.
- Thực hiện ký Hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng trở lên đối với 19 lao động mới tiếp nhận.
- Công tác hồ sơ cán bộ: quản lý, sắp xếp, bổ sung hồ sơ CBCNV Công ty và kê khai lý lịch cán bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Đánh giá: Công tác quản lý lao động được triển khai theo quy chế quy định của Đảng, Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. **Công tác tiền lương:**

- Thực hiện chi trả lương cho CBCNV theo Quy chế trả lương được ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 12/8/2020 và theo Quy chế đánh giá tập thể, CBCNV được ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 23/7/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Kết quả thực hiện:

Tổng quỹ tiền lương thực hiện trong năm 2022 là 103,83 tỷ đồng (trừ lao động làm việc tại Chi nhánh Đà Nẵng). Trong đó:

- + Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 là 111,60 tỷ đồng, trong đó: chi cho người đại diện là 4,79 tỷ đồng, tương ứng tiền lương bình quân là 59,63 triệu đồng/người/tháng và chi cho người lao động là 106,82 tỷ đồng, tương ứng tiền lương bình quân là 19,69 triệu đồng/người/tháng.
- + Quỹ lương dự phòng cho năm 2022 là 13,47 tỷ đồng.
- Xây dựng mới/sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương 139 nhằm từng bước hoàn thiện cơ chế trả lương phù hợp với đặc thù ngành nghề SXKD của đơn vị, đồng thời tạo động lực, khuyến khích lực lượng lao động kỹ thuật trực tiếp sản xuất, đặc biệt là nhóm đối tượng chuyên gia và công nhân kỹ thuật tay nghề cao.
- Ban hành Hệ thống chức danh công việc và quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty phục vụ cho công tác tuyển dụng, đào tạo, bố trí sử dụng lao động đảm bảo nguyên tắc đúng người, đúng việc.
- Thực hiện chi trả các khoản phụ cấp, trợ cấp theo đúng quy định: Tổ chức ăn giữa ca cho người lao động là 730.000đ/người/tháng và thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho CBCNV tại các đơn vị theo đúng quy định của Công ty.
- Thương an toàn: Công ty thực hiện chi tiền thưởng an toàn cho toàn thể CBCNV Công ty theo quy định.

2.5. Công tác an toàn sức khỏe môi trường, phòng chống cháy nổ

- Trong năm 2022, Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ (ATVSLĐ-PCCN) của Công ty luôn được quan tâm. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường, Công ty không có vụ tai nạn lao động, không có người bị mắc bệnh nghề nghiệp và không xảy ra sự cố cháy nổ. Công tác phòng chống dịch Covid-19 được đảm bảo, tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Y tế và các quy định của y tế địa phương, quy định của Chủ đầu tư. Hội đồng ATVSLĐ Tổng Công ty đã chấm điểm công tác ATVSLĐ-PCCN tại Công ty năm 2022, đạt 96,9/100 điểm, đủ tiêu chuẩn đạt danh hiệu "Bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động xuất sắc".

Hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến công tác ATSKMT: cập nhật và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật, theo các công văn yêu cầu cập nhật triển khai thực hiện của Tổng công ty. Rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành 09 Quy trình và 07 Quy định. Hiện tại đang tiếp tục cập nhật, sửa đổi bổ sung các quy định.

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới, thích ứng linh hoạt.
- Tất cả các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động tại các Chi nhánh đã được kiểm định; khai báo Sở Lao động- Thương binh và Xã hội địa phương trước khi đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật.
- Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo Quyết định số 161/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 20/9/2022.
- Tại Văn Phòng Công ty và các Chi nhánh đã xây dựng phương án PCCC riêng cho từng đơn vị.
- Định kỳ kiểm tra các phương tiện PCCN đảm bảo hoạt động tốt và tính sẵn sàng.
- Bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ: Hàng năm phối hợp với đơn vị chức năng (cảnh sát PCCC) tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho đội PCCC cơ sở.
- Công ty đã tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch an toàn điện định kỳ hàng năm cho CBCNV Phòng Kỹ thuật – An toàn và các Chi nhánh trực thuộc Công ty trong tháng 01/2022.
- Công ty đã phối hợp với đơn vị có chức năng (các trung tâm huấn luyện) tổ chức các khóa huấn luyện ATVSLD theo nghị định 44/2016/NĐ-CP.
- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2022 tại Văn phòng Hà Nội và các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Công ty đã triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, công tác xét thưởng an toàn hàng tháng.

2.6. Công tác khoa học công nghệ

- Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật của Công ty hiện tại ban hành theo Quyết định số 189/QĐ/HĐQT-DVKT và sửa đổi theo Quyết định số 173/QĐ/DVKT-HĐQT, được xây dựng theo cơ chế chung của Tập đoàn và Tổng Công ty, được Công ty xem xét chỉnh sửa phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.
- Phát động phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2022:

Nhằm phát động phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2022 tại các đơn vị, Hội đồng sáng kiến Công ty đã phát động phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoạt động khoa học và công nghệ năm 2022 tại các đơn vị và yêu cầu các phòng/chi nhánh thực hiện, cụ thể:

- + Đề ra các giải pháp cho các Chi nhánh, Phòng ban trực thuộc PV Power Services tổ chức triển khai phát động phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong toàn Công ty, đồng thời yêu cầu các đơn vị tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân và tập thể phát huy năng lực sáng tạo các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất kinh doanh;
- + Rà soát, cập nhật, đánh giá tính hiệu quả tình hình áp dụng sáng kiến, giải pháp đã được công nhận tại các phòng chức năng và chi nhánh trực thuộc từ năm 2015 đến nay.
- Thường xuyên tổ chức, tuyên truyền, chỉ đạo, điều hành thực hiện các phong trào về sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất đến các Chi nhánh Nhơn Trạch, Cà Mau, Hà Tĩnh và Đà Nẵng.
- Ngoài ra, Hội đồng sáng kiến thực hiện thông báo, phổ biến các nội dung liên quan đến hoạt động công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật do Tổng công ty định hướng.
- Các sáng kiến đã được công nhận trong năm 2022:

Công ty có 52 sáng kiến cải tiến kỹ thuật (SKCTKT) mang lại hiệu quả kinh tế lớn; Khi áp dụng vào thực tế sản xuất các đề tài SKCTKT này đã góp phần tăng độ khả dụng và hạn chế hư hỏng của các thiết bị, giảm chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị, giảm nguy cơ gây sự cố, hư hỏng và tạo thuận tiện cho công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa.

Công ty đã cấp giấy chứng nhận sáng kiến đối với 41 SKCTKT. Ngoài ra, có 11 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được PV Power HaTinh công nhận.

2.7. Các hoạt động tổ chức đoàn thể, an sinh xã hội, chăm lo đời sống CBCNV

- Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2022, đơn vị tập trung chăm lo đời sống cho CBCNV trong dịp Tết nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, cụ thể:
 - + Tặng quà cho CBCNV Công ty nhân dịp tết Nguyên Đán Nhâm Dần 2022 với tổng số tiền: 241 triệu đồng.
 - + Hỗ trợ kinh phí cho các Công đoàn bộ phận trực thuộc tổ chức chương trình Tết sum vầy nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022: 25 triệu đồng.
 - + Chương trình Mái ấm Công đoàn Dầu khí năm 2022: Công đoàn Công ty đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với 03 đoàn viên thuộc Công đoàn bộ phận Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng số tiền: 240 triệu đồng.
- Công tác chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể: Ban Giám đốc Công ty luôn quan tâm và phối hợp với Công đoàn Công ty thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, thực hiện đảm bảo chế độ chính sách, khen thưởng, phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty, cụ thể:

- + Thực hiện việc trích nộp, đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và thực hiện các chế độ chính sách khác cho CBCNV Công ty theo đúng quy định của Nhà nước.
- + Giải quyết chế độ ốm, đau, thai sản... đầy đủ theo quy định.
- + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng quy định.
- + Lập kế hoạch nghỉ phép cho Người lao động năm 2022.
- + Công ty đã giao Thủ trưởng các đơn vị phối hợp với Công đoàn cùng cấp tổ chức các chương trình nghỉ mát năm 2022 cho NLĐ, và chi tiền cho CBCNV một số đơn vị chưa tổ chức được do nhiệm vụ SXKD.
- + Hướng dẫn mua và sử dụng bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao cho CBCNV Công ty năm 2022.
- + Thực hiện chi trả lương cho CBCNV Công ty theo quy định của Quy chế lương Công ty.
- + Thực hiện chi từ quỹ phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty với tổng số tiền là 1.641,6 triệu đồng.

2.8. Công tác thi đua, khen thưởng

Trong năm 2022, Công ty đã báo cáo Hội đồng Thi đua khen thưởng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam xét, trình và được Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2022, cụ thể như sau:

- Đối với tập thể:
 - + 15 tập thể lao động tiên tiến;
 - + 07 tập thể lao động xuất sắc;
 - + 01 Cờ thi đua Tập đoàn;
 - + 03 Bằng khen Tập đoàn;
 - + 03 giấy khen Tổng công ty.
- Đối với cá nhân:
 - + 62 Chiến sỹ thi đua cơ sở;
 - + 222 Giấy khen Tổng công ty;
 - + 22 Bằng khen Tập đoàn;
 - + 443 Lao động tiên tiến.

3. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

3.1. Đánh giá chung

- Hoàn thành các công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý các sự cố, tồn tại, bất thường thiết bị/hệ thống các NME Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1 và Formosa Hà Tĩnh.

- Thực hiện công tác bảo dưỡng SCDK đạt/vượt tiến độ thống nhất với Chủ đầu tư.
- Trong năm 2022, PV Power Services đã nỗ lực và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch được giao, đạt 115% kế hoạch.
- Công tác phát triển dịch vụ ngoài tiếp tục được đẩy mạnh, tích cực tìm kiếm mở rộng hợp đồng dịch vụ nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Trong đó, Ký kết thành công Hợp đồng sửa chữa thường xuyên (xưởng năng lượng, xưởng công dụng) ngày 01/10/2022 với Formosa Hà Tĩnh giá trị 67 tỷ đồng – thực hiện trong 03 năm.
- Cử nhân sự đi NMD Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 phục vụ công tác nghiệm thu chạy thử, tiếp cận các thiết bị/công nghệ nhà máy nhằm chuẩn bị cho công tác BDSC thường xuyên sắp tới.

3.2. Tồn tại và bài học kinh nghiệm

❖ Tồn tại:

- Chỉ tiêu doanh thu không đạt do tác động bởi yếu tố khách quan (năm ngoài khả năng kiểm soát của PVPS):
 - + Đại tu NMD Cà Mau 2 lùi thời hạn thực hiện sang năm 2023 (giảm 29,34 tỷ đồng).
 - + Doanh thu sửa chữa thường xuyên: Hợp đồng Cà Mau 1&2 giảm do dừng tổ máy GT11 và GT12 trên 30 ngày thực hiện sửa chữa định kỳ và Hợp đồng Vũng Áng 1 giảm do tổ máy 1 phải dừng để xử lý sự cố đến hết năm 2022 (kế hoạch lập dự kiến dừng máy đến hết tháng 6/2022).
- Công nợ còn tồn tại chưa được xử lý dứt điểm.

❖ Bài học kinh nghiệm:

- Bám sát Chủ đầu tư để có phương án chào thầu phù hợp đối với các gói thầu trong thời gian tới để đảm bảo doanh thu đủ bù chi phí.
- Sắp xếp lại cơ cấu lao động để tối đa hóa nguồn nhân lực.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

1. Một số nhiệm vụ chính:

- Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất/khắc phục bất thường/sự cố của các NME Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMND Vũng Áng 1 và NME Formosa Hà Tĩnh đảm bảo an toàn, tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Trong năm 2023, thực hiện công tác sửa chữa định kỳ các nhà máy điện theo kế hoạch của Chủ đầu tư đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn, cụ thể như sau:
 - + Đại tu NME Cà Mau 2: dự kiến thực hiện vào tháng 7-8/2023;
 - + Trung tu tổ máy GT12 NME Nhơn Trạch 1: dự kiến từ tháng 12/2023;
 - + Đại tu NME Nhơn Trạch 2: dự kiến thực hiện vào tháng 9-10/2023.
- Tăng cường công tác xúc tiến, tìm kiếm, ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng/Chủ đầu tư mới ngoài các Hợp đồng đã ký phù hợp với năng lực/kinh nghiệm của Công ty nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực, tài sản, công cụ dụng cụ để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như cải thiện đời sống CBCNV của Công ty.
- Tập trung nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí (đặc biệt chi phí quản lý, chi phí dịch vụ ngoài); Quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; Thực hiện công tác đầu tư/mua sắm tài sản/trang thiết bị, CCDC đáp ứng kịp thời phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện, đảm bảo tính pháp lý, theo quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.
- Thực hiện các biện pháp về lao động, đào tạo, nhân sự, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường hoạt động các phong trào đoàn thể trong toàn Công ty, triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD.
- Thực hiện công tác cung cấp nhân sự tiếp cận hỗ trợ dự án và chuẩn bị sẵn sàng cho công tác BDSC NME Thái Bình 2, NME Sông Hậu 1.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện.
- Chuẩn bị cho công tác sửa chữa định kỳ năm 2024 theo kế hoạch.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị KH 2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	150
2	Doanh thu	Tỷ đồng	270,91
3	Chi phí	Tỷ đồng	250,13
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,78
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,9%

3. Khó khăn thách thức:

- Kể từ năm 2024, dự địa từ các hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa dài hạn với giá trị doanh thu/lợi nhuận lớn không còn, tất cả các hợp đồng đều đã phải đấu thầu cạnh tranh. Ngoài ra, năm 2024 công việc không có sửa chữa định kỳ dẫn đến doanh thu sụt giảm nên phải tăng cường công tác tìm kiếm các Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật ngoài các Hợp đồng đã ký, đây là một thách thức lớn cho công ty.
- Những khó khăn khi đấu thầu: chi phí giá vốn cao, khó cạnh tranh với các đơn vị tư nhân khác (như NPS, Sơn Vũ...), các gói thầu hiện nay đều không còn là M lớn (hiện trạng các gói thầu dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng đã tách vật tư chính) chỉ được thực hiện về nhân công thuần túy và vật tư tiêu hao với giá trị nhỏ gây khó khăn cho Công ty trong việc cạnh tranh với các đơn vị khác.
- Tỷ trọng lao động gián tiếp, trái ngành nghề,... còn cao so với các đơn vị hoạt động cùng lĩnh vực. Lao động trực tiếp tại Công ty là 318 người, chiếm 71,46% tổng số lao động toàn Công ty, lao động gián tiếp là 127 người chiếm 28,54%. Bộ phận gián tiếp tại các Chi nhánh chiếm tương đối trong cơ cấu lao động tại các Chi nhánh (Chi nhánh Cà Mau chiếm 14,94%, Chi nhánh Nhơn Trạch chiếm 18,75%, Chi nhánh Đà Nẵng chiếm 45,45% và Chi nhánh Hà Tĩnh chiếm 13,07%). Tổng số lao động nữ trong Công ty là 51 người, trong đó số lao động nữ khối gián tiếp là 47 người, chiếm 10,56% tổng số lao động toàn Công ty và chiếm 37,01% trên tổng số lao động gián tiếp toàn Công ty.
- Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực/lao động kỹ thuật của Công ty còn hạn chế. Đáng lưu ý là hiện tượng chảy máu chất xám nhân lực chất lượng cao tại các Chi nhánh tại thời điểm tháng 11/2022, có 22 lao động kỹ thuật xin chấm dứt HĐLĐ do cơ chế thu hút từ các nhà máy điện mới (Thái Bình 2, Sông Hậu 1).
- Các nhà máy điện của PV Power có xu hướng thành lập các đội làm công tác sửa chữa thường xuyên, chỉ thuê đơn vị xử lý khắc phục bất thường, sự

có làm thu hẹp phạm vi công việc của PVPS ảnh hưởng tới doanh thu của Công ty.

- Định hướng phát triển của TSC chưa rõ ràng có thể có sự chông chéo với công việc của PVPS.

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch:

- Đào tạo nguồn nhân lực theo hướng sát với thực tế tập trung đào tạo nghề thực hành và bám sát về ngành nghề kinh doanh cốt lõi của PV Power Services, song song sử dụng lực lượng lao động hiệu quả, tập trung phát triển lực lượng chuyên gia.
- Thực hiện cơ cấu lại bộ máy tinh gọn, tăng cường lực lượng có chuyên môn kỹ thuật, tập trung nguồn lực tối đa cho lao động trực tiếp, tinh giản bộ máy gián tiếp, xây dựng cơ chế tiền lương theo hướng đảm bảo thu nhập ổn định và thu hút người lao động, việc xây dựng phương án lương phải xem xét và đảm bảo tính cạnh tranh trong đấu thầu với các đơn vị tư nhân khác.
- Xây dựng phạm vi công việc và kế hoạch tổ chức thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên, định kỳ; Rà soát các biện pháp thi công, phân tích an toàn công việc trên cơ sở tuân theo thứ tự ưu tiên: tài liệu của nhà chế tạo gốc, các quy chuẩn của ngành, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc tế trong công tác BDSC nhà máy điện; Đặc biệt lập kế hoạch chuẩn bị đầy đủ và chi tiết, thành lập các Ban chỉ đạo để hoàn thành tốt nhất công tác sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện theo kế hoạch nêu trên.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động đối với tất cả CBCNV, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, tuân thủ triệt để các công tác về an toàn trong lao động sản xuất, đảm bảo cho các nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả.
- Đánh giá các đối thủ cạnh tranh, tích cực tìm kiếm mở rộng hợp đồng dịch vụ, phát triển sản xuất, nâng cao doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Tăng cường quản lý, quản trị chi phí các hợp đồng kinh tế.
- Nâng cao hiệu quả công tác thu hồi công nợ.
- Sắp xếp lại bộ máy nhân sự một cách tinh gọn hiệu quả theo hướng bám sát phạm vi công việc và yêu cầu của các hợp đồng BDSC thường xuyên sau 15 năm công ty hoạt động, chuyên nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn với đội ngũ kỹ thuật lành nghề giàu kinh nghiệm thực tế và có tính chuyên môn hóa cao để tối đa hóa nguồn nhân lực. Tập trung cho nguồn nhân lực trực tiếp (những nhân lực thành thạo trong kỹ thuật bảo BDSC).

- Thực hiện tái cấu trúc: Tăng cường công tác tuyển dụng những nhân sự có chất lượng chuyên môn cao, có năng lực thật để phát triển năng suất lao động, tăng hiệu quả, có kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật tay nghề cao, đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ.
- Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, các biểu mẫu thông qua việc cập nhật hệ thống văn bản hướng dẫn đã ban hành trong công tác quản lý kỹ thuật. Thường xuyên động viên, khuyến khích công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ cho toàn thể CBCNV nhằm hợp lý hóa sản xuất mang lại những lợi ích kinh tế thiết thực.
- Triển khai có hiệu quả các hành lang trong quy chế lương để kịp thời động viên, khuyến khích người lao động giỏi làm việc hiệu quả hơn nữa (thực hiện tốt xếp loại hoàn thành công việc hàng tháng; áp dụng lương hiệu quả và nâng lương định kỳ).

Ban Giám đốc kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 với các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (để b/cáo);
- HQQT;
- Ban KS;
- Các PGĐ Cty (e-copy);
- Lưu: VT, KTKH (TTNA-01b). *h*



Vũ Anh Tuấn

Số: 78 /BC/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động Hội đồng Quản trị và từng thành viên HĐQT trong năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

I. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2022

Trong năm vừa qua, để thực hiện và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong bối cảnh nhiều khó khăn do dịch bệnh và tình hình bị cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường, Hội đồng Quản trị đã nỗ lực, chỉ đạo quyết liệt và đã hoàn thành nhiệm vụ mà Quý cổ đông giao phó.

Năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã chủ động lên kế hoạch, đề ra các giải pháp cụ thể đồng thời chỉ đạo sát sao Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất từng tháng, quý. HĐQT chỉ đạo Công ty thực hiện các kỳ sửa chữa tại: NME Nhơn Trạch 1, NME Nhơn Trạch 2, NME Cà Mau 1&2, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Trung tâm điện lực Long Phú, Nhà máy thủy điện Hòa Na và nhiều nhà máy thủy điện khác... đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra và được các khách hàng đánh giá tốt.

Bằng những chỉ đạo cụ thể, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo tiết giảm, tiết kiệm các khoản mục chi phí chưa thật sự cần thiết để ưu tiên tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ những nỗ lực tích cực đó, HĐQT cùng với Ban Giám đốc và tập thể CBCNV toàn Công ty đã đạt được các kết quả như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2022	Thực hiện 2022	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	272,19	267,35	98,22%
II	Tổng chi phí	251,99	244,11	96,87%
III	Lợi nhuận trước thuế	20,2	23,24	115%
IV	Lợi nhuận sau thuế	16,16	18,47	114,3%

II. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2022

1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty năm 2022 gồm các thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Duy Nhi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty
3	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên Hội đồng Quản trị ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022
4	Ông Phạm Đức Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022
5	Ông Vũ Huy Quang	Thành viên độc lập HĐQT ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022
6	Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị ĐHĐCĐ bầu làm TV HĐQT ngày 28/4/2022
7	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên Hội đồng Quản trị ĐHĐCĐ bầu làm TV HĐQT ngày 28/4/2022
8	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT ĐHĐCĐ bầu làm TV HĐQT ngày 28/4/2022

2. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

2.1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo thẩm quyền được ban hành trên cơ sở ý

01/01/2023
CH
EN
VI
/20/2023

kiến thống nhất của đa số thành viên. HĐQT hoạt động tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Với mục tiêu đảm bảo các Nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả, trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, góp phần đảm bảo việc vận hành hiệu quả nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 & 2 và Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy thủy điện Hòa Na....

Ngoài ra, để thực hiện mục tiêu nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động của Công ty, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tìm kiếm đối tác, khách hàng mới nhằm nâng cao vị thế của Công ty.

Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ tại các nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1 theo Hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư.

Hội đồng Quản trị tăng cường đôn đốc và giám sát chặt chẽ công tác sửa chữa thường xuyên và xử lý triệt để các bất thường còn tồn tại; công tác mua sắm vật tư, công cụ dụng cụ theo kế hoạch để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu kế hoạch bảo dưỡng các nhà máy điện.

Chỉ đạo tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề, tạo môi trường lao động an toàn, hiệu quả trong sản xuất.

2.2. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng Quản trị

Các Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT và xem xét, cho ý kiến, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nhiệm vụ trung thực, cẩn trọng và kịp thời nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh trách nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT tại Quyết định số 104/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 30/6/2021 và Quyết định số 99/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 17/5/2022, cụ thể như sau:

Ông Bùi Duy Nhị - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngoài việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông; chỉ đạo chung việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Ông Bùi Duy Nhị trực tiếp phụ trách và chỉ đạo các lĩnh vực: Xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty; Tái cơ cấu, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty; Công tác hợp tác quốc tế và đối ngoại; Công tác tổ chức nhân sự; Chế độ chính sách đối với CBCNV; Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác đầu tư của Công ty; Công tác tài chính kế toán; Công tác phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Tổ chức, theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác ban hành, sửa đổi chiến lược, các quy chế, quy định, chính sách chung của Công ty; Quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty; Quản lý Người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty còn trực tiếp phụ trách và giám sát hoạt động của các Phòng chức năng, các Chi nhánh trực thuộc trong Công ty.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Phạm Đức Nghĩa - Thành viên HĐQT

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT còn trực tiếp chỉ đạo và phụ trách các lĩnh vực: Theo dõi đàm phán, dự thảo hợp đồng, công tác quyết toán các Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa; Công tác thương mại, quản lý đấu thầu mua sắm hàng hóa, vật tư, thiết bị, dịch vụ... phục vụ hoạt động SXKD thường xuyên của Công ty; Công tác phát triển dịch vụ; Theo dõi tình hình triển khai dự án Sông Hậu 1.

Ông Phạm Đức Nghĩa được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 miễn nhiệm ngày 28/4/2022 theo điều động của cổ đông lớn PV Power.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Mã Ngọc Kỳ - Thành viên HĐQT

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT còn trực tiếp chỉ đạo và phụ trách các lĩnh vực: Theo dõi các Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa; Công tác nghiên cứu khoa học; Sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Công tác kỹ thuật; Công tác an toàn; Công tác phát triển dịch vụ; Theo dõi tình hình triển khai dự án Thái Bình 2.

Ông Mã Ngọc Kỳ được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 miễn nhiệm ngày 28/4/2022 theo điều động của cổ đông lớn PV Power.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Vũ Huy Quang - Thành viên độc lập HĐQT

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT còn trực tiếp phụ trách và chỉ đạo các lĩnh vực: Công tác đầu tư; Công tác phát triển và mở rộng thị trường của Công ty.

Ông Vũ Huy Quang được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 miễn nhiệm ngày 28/4/2022 theo nguyện vọng cá nhân.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao trực tiếp chỉ đạo và phụ trách các lĩnh vực: Theo dõi đàm phán, dự thảo hợp đồng, công tác quyết toán các Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa; Công tác thương mại, quản lý đấu thầu mua sắm hàng hóa, vật tư, thiết bị, dịch vụ... phục vụ hoạt động SXKD thường xuyên của Công ty; Công tác phát triển dịch vụ; Theo dõi tình hình triển khai dự án Sông Hậu 1.

Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 bầu làm Thành viên HĐQT ngày 28/4/2022 theo giới thiệu của cổ đông lớn PV Power.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Phan Ngọc Anh - Thành viên HĐQT

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, Ông Phan Ngọc Anh trực tiếp chỉ đạo và phụ trách các lĩnh vực: Theo dõi các Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa; Công tác nghiên cứu khoa học; Sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Công tác kỹ thuật; Công tác an toàn; Công tác phát triển dịch vụ; Theo dõi tình hình triển khai dự án Thái Bình 2.

Ông Phan Ngọc Anh được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 bầu làm Thành viên HĐQT ngày 28/4/2022 theo giới thiệu của cổ đông lớn PV Power.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Vũ Huy An - Thành viên độc lập HĐQT

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT còn trực tiếp phụ trách và chỉ đạo các lĩnh vực: Công tác đầu tư; Công tác phát triển và mở rộng thị trường của Công ty.

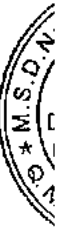
Ông Vũ Huy An được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 bầu làm Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị ngày 28/4/2022.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.

3. Tổng kết chung về các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2022, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đã bám sát tình hình thực tế của Công ty, thể hiện sự đồng thuận cao và là sự tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng Quản trị; Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được tăng cường.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo hoạt động Công ty thông qua Quy chế, Quy định, Nghị quyết, Quyết định, và các Công văn, Biên bản các cuộc họp, trong các trường hợp khác thông qua trao đổi trực tiếp. Các vấn đề Ban Giám đốc Công ty đệ trình đều được Hội đồng Quản trị đưa ra quyết định kịp thời đáp ứng hoạt động của Công ty.



Năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp 04 phiên thường kỳ Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV. Nội dung chính các cuộc họp: Thông qua thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh các quý và năm; Đưa ý kiến và phê duyệt việc sửa đổi các Quy chế, Quy định để phục vụ sản xuất kinh doanh... Thông tin về các cuộc họp định kỳ theo Quý đã được công bố đầy đủ theo quy định.

Ngoài ra, để phục vụ công tác họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo thực hiện chuẩn bị Đại hội. Hội đồng Quản trị đã chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28/4/2022.

Hội đồng Quản trị đã tích cực tham gia họp giao ban cùng với Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo các Chi nhánh, Phòng ban trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Nội dung các kỳ họp HĐQT cũng như các văn bản Nghị quyết, Quyết định được HĐQT ban hành thể hiện rõ trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã ban hành 72 Nghị quyết, Quyết định để thực hiện công tác quản trị, quản lý các hoạt động SXKD của Công ty. Danh mục các Nghị quyết, Quyết định chi tiết như phụ lục đính kèm.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

4.1. Giao dịch giữa Công ty, công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: Không có.

4.2. Giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó Thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có.

5. Công tác chỉ đạo, giám sát đối với Ban Giám đốc và bộ máy điều hành

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại

hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Chính vì vậy Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vượt mức, tạo niềm tin cho cổ đông và nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định của Công ty.

Ban Giám đốc đã chủ động, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động thực hiện công tác tiết giảm, tiết kiệm các chi phí.

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện tốt Nghị quyết số 82/NQ-ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện các kỳ sửa chữa định kỳ các nhà máy điện, cụ thể như sau:

- ✓ Đại tu Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
- ✓ Đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1;
- ✓ Trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1;
- ✓ Tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

III. Lương, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

1. Lương, thưởng, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách:
Thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động chuyên trách hoặc tham gia điều hành hoạt động của Công ty, mức lương/ thù lao được hưởng theo quy chế trả lương của Công ty. Cụ thể năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng năm 2022
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	955.413.476
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	955.413.476

2. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm 2022
1	Ông Phạm Đức Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	12.000.000
2	Ông Mã Ngọc Kỳ	Thành viên Hội đồng Quản trị	12.000.000
3	Ông Vũ Huy Quang	Thành viên độc lập HĐQT	12.000.000
4	Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị	40.000.000
5	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên Hội đồng Quản trị	40.000.000
6	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT	40.000.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022)

3. Kế hoạch Lương, thưởng, thù lao năm 2023 của Thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm
I	Hội đồng Quản trị		2.100.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	1	960.000.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	960.000.000
3	TV HĐQT kiêm nhiệm	2	120.000.000
4	TV độc lập HĐQT	1	60.000.000

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị: Tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

IV. Mục tiêu, phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023

1. Mục tiêu

- Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đề ra. Cụ thể:

+ Doanh thu đạt:	270,91	Tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế đạt:	20,78	Tỷ đồng
+ Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến:	8,9	%

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh nhuệ, gọn nhẹ cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới của năm 2023 và các năm tiếp theo.
- Hội đồng Quản trị luôn chú trọng cải tiến phương thức quản lý theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, đưa Công ty tiếp tục phát triển xứng với sự tin tưởng của cổ đông.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định phù hợp

04
 TY
 AN
 TH
 AU
 AM
 TP

với tình hình mới.

- Cơ cấu hợp lý các khoản chi phí, tiết giảm, tiết kiệm tối đa các chi phí chưa cần thiết.
- Chỉ đạo Công ty tăng cường nhân lực, nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa, bảo trì tại các Nhà máy điện để các Nhà máy luôn đạt độ tin cậy cao, đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả. Tập trung chỉ đạo để hoàn thành tiến độ, chất lượng, hiệu quả an toàn tại các kỳ sửa chữa trong năm 2023 của các nhà máy Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1, Hòa Na, Đăkdrink, Formosa....
- Thực hiện chế độ đãi ngộ cho CBCNV có tay nghề cao; Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, kinh nghiệm để đảm bảo mục tiêu phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội phát triển và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh tại các nhà máy điện đảm bảo Công ty ngày càng phát triển.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.

Phụ lục:

- Danh mục NQ, QĐ của HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Duy Nhị

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Đính kèm báo cáo số 39/BC-DVKT-HĐQT ngày 10/3/2023)

Số đi	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ký văn bản	Tên loại và trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
1	03/NQ/DVKT-HĐQT	14/1/2022	Nghị quyết v/v kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2022	100%
2	04/NQ/DVKT-HĐQT	24/1/2022	Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ quý IV/2021 của HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (Phiên họp ngày 21/01/2022)	100%
3	06/QĐ-DVKT-HĐQT	25/1/2022	QĐ v/v phê duyệt và ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
4	08/NQ-DVKT-HĐQT	27/1/2022	Nghị quyết v/v triển khai công tác cán bộ	100%
5	09/QĐ-DVKT-HĐQT	27/1/2022	QĐ v/v thời giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
6	13/QĐ-DVKT-HĐQT	10/2/2022	QĐ v/v tạm giao kinh phí thực hiện SXKD Quý 1&2 năm 2022 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
7	17/NQ/DVKT-HĐQT	8/3/2022	Nghị quyết về việc bổ nhiệm cán bộ tại Chi nhánh Hà Tĩnh	100%
8	21/QĐ-DVKT-HĐQT	14/3/2022	QĐ V/v thay đổi nhân sự đại diện quản lý phần vốn góp của PV Power Services tại Công ty cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) và giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị Công ty PAIC	100%
9	25/NQ/DVKT-HĐQT	17/3/2022	Nghị quyết V/v phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2022 Hợp đồng "Công trình sửa chữa thiết bị Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh"	100%
10	39/DVKT-NĐD	28/3/2022	V/v báo cáo kiểm tra, giám sát doanh nghiệp quý I/2022	100%
11	40/NQ-DVKT-HĐQT	28/3/2022	NQ v/v phê duyệt giá trị và thông qua nội dung dự thảo Hợp đồng cung cấp nhân công kỹ thuật hỗ trợ công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị chạy thử Dự án NMNĐ Thái Bình 2	100%
12	41/NQ-DVKT-HĐQT	29/3/2022	NQ v/v phê duyệt quy trình thanh lý xe 6 tổ Công ty	100%
13	44/QĐ-DVKT-HĐQT	30/3/2022	QĐ v/v phê duyệt định biên lao động Công ty năm 2022	100%
14	45/NQ-DVKT-HĐQT	30/3/2022	QĐ v/v phương án giải quyết chế độ cho người lao động tại Phòng Kinh doanh V/v Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
15	48/NQ-DVKT-HĐQT	31/3/2022	NQ V/v thanh lý tài sản cố định, Công cụ dụng cụ hết khấu hao hư hỏng và không còn giá trị sử dụng	100%
16	51/QĐ-DVKT-HĐQT	5/4/2022	QĐ v/v phê duyệt kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2022	100%
17	55/NQ/DVKT-HĐQT	7/4/2022	NQ v/v phê duyệt giá trị và thông qua nội dung dự thảo Hợp đồng dịch vụ Quản lý tài sản, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa NMNĐ Sông Hậu 1	100%
18	69/NQ-DVKT-HĐQT	19/4/2022	Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ Quý I/2022 của HĐQT Công ty PV Power Services (Phiên họp ngày 15/4/2022)	100%
19	73/NQ-DVKT-HĐQT	22/4/2022	Nghị quyết v/v phê duyệt kiện toàn cơ cấu tổ chức của CN Hà Tĩnh	100%
20	75/NQ-DVKT-HĐQT	25/4/2022	Nghị quyết v/v chế độ hỗ trợ đối với nhân sự được điều động thực hiện công tác tại NMNĐ Thái Bình 2 và NMNĐ Sông Hậu 1	100%
21	76/NQ-DVKT-HĐQT	25/4/2022	Nghị quyết v/v miễn nhiệm Thành viên HĐQT, thành viên BKS và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT, BKS Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
22	79/QĐ-DVKT-HĐQT	27/4/2022	QĐ V/v phê duyệt Hệ thống chức danh công việc và Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
23	80/QĐ-DVKT-HĐQT	27/4/2022	QĐ V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
24	82/NQ-DVKT-HĐQT	28/4/2022	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
25	83/QĐ-DVKT-HĐQT	27/4/2022	QĐ v/v phê duyệt và ban hành Quy trình Kiểm toán nội bộ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
26	86/QĐ-DVKT-HĐQT	4/5/2022	QĐ v/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
27	87/QĐ-DVKT-HĐQT	4/5/2022	QĐ v/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
28	90/QĐ-DVKT-HĐQT	9/5/2022	QĐ v/v quyết toán quỹ tiền lương năm 2021 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2022 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
29	95/NQ/DVKT-HĐQT	12/5/2022	Nghị quyết v/v công tác cán bộ	100%
30	96/NQ/DVKT-HĐQT	12/5/2022	Nghị quyết v/v bổ nhiệm lại cán bộ	100%
31	97/QĐ-DVKT-HĐQT	12/5/2022	QĐ v/v phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ Đại tu tại 100k EOH NMD Cà Mau 1 giai đoạn 1 năm 2022	100%
32	99/QĐ-DVKT-HĐQT	17/5/2022	QĐ v/v phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động SXKD trong HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	100%
33	104/QĐ-HĐQT-DVKT	27/5/2022	QĐ v/v phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ Đại tu tại 100k EOH NMD Cà Mau 1 giai đoạn 2 năm 2022	100%
34	106/QĐ/DVKT-HĐQT	30/5/2022	QĐ v/v phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	100%
35	112/QĐ/DVKT-HĐQT	10/6/2022	QĐ v/v giso kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%

102
CỘNG
HỘI
NHÂN
DÂN
VIỆT
NAM

36	113/QĐ/HĐQT-DVKT	14/6/2022	QĐ v/v phê duyệt điều chỉnh Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu bổ sung Đại tu tại 100k EOH NMB Cà Mau 1 giai đoạn 2 năm 2022 và phương án kinh doanh cung cấp dịch vụ kỹ thuật tại Siemens trong Đại tu NMB Cà Mau 1 năm 2022	100%
37	118/QĐ/DVKT-HĐQT	28/6/2022	QĐ v/v bổ nhiệm Ông Lê Văn Tu giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
38	119/QĐ/DVKT-HĐQT	28/6/2022	QĐ v/v bổ nhiệm lại Ông Phùng Văn Đức giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
39	120/NQ-DVKT-HĐQT	29/6/2022	Nghị quyết v/v thông qua chủ trương chào thầu và PAKD sơ bộ gói thầu: Cung cấp dịch vụ Đại tu hệ thống lò hơi, hệ thống ESP, FGD, SCR Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%
40	124/NQ-DVKT-HĐQT	4/7/2022	Nghị quyết v/v thông qua chủ trương chào thầu và PAKD sơ bộ gói thầu: Cung cấp dịch vụ Đại tu hệ thống van hơi Tuabin, hệ thống phụ trợ Tuabin-Máy phát Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%
41	125/NQ-DVKT-HĐQT	6/7/2022	Nghị quyết v/v giao Ông Lê Văn Tu, Phó Giám đốc Công ty kiêm nhiệm Giám đốc CN Nhơn Trạch	100%
42	127/NQ-DVKT-HĐQT	7/7/2022	Nghị quyết v/v thông qua chủ trương chào thầu và PAKD sơ bộ gói thầu: Cung cấp dịch vụ Đại tu hệ thống bơm nước ngưng, bơm nước cấp, Tuabin dẫn động bơm nước cấp và thuê chuyên gia thực hiện công tác đại tu hệ thống bơm nước cấp và Tuabin dẫn động Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%
43	129/NQ-DVKT-HĐQT	8/7/2022	Nghị quyết v/v công tác cán bộ	100%
44	132/NQ-DVKT-HĐQT	27/7/2022	NQ tại cuộc họp định kỳ Quý II/2022 của HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (Phiên họp ngày 27/7/2022)	100%
45	138/QĐ/DVKT-HĐQT	29/7/2022	QĐ v/v phê duyệt và ban hành Quy chế Chỉ tiêu nội bộ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
46	139/NQ-DVKT-HĐQT	2/8/2022	NQ v/v phê duyệt giá trị và thông qua nội dung dự thảo Hợp đồng cung cấp dịch vụ đại tu hệ thống Van hơi Tuabin, hệ thống phụ trợ Tuabin - Máy phát Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%
47	140/NQ-DVKT-HĐQT	2/8/2022	NQ v/v phê duyệt giá trị và thông qua nội dung dự thảo Hợp đồng cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa hệ thống máy nghiền than Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%
48	142/NQ-DVKT-HĐQT	4/8/2022	NQ v/v phê duyệt giá trị ký hợp đồng và thông qua nội dung dự thảo Hợp đồng cung cấp dịch vụ Đại tu hệ thống lò hơi, hệ thống ESP, FGD, SCR Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%
49	143/NQ-DVKT-HĐQT	5/8/2022	NQ v/v phê duyệt giá khởi điểm thanh lý xe ô tô	100%
50	148/NQ-DVKT-HĐQT	22/8/2022	NQ v/v phê duyệt giá trị và thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ đại tu hệ thống bơm nước ngưng, bơm nước cấp, Tuabin dẫn động bơm nước cấp và thuê chuyên gia thực hiện công tác đại tu hệ thống bơm nước cấp và tuabin dẫn động tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022"	100%
51	150/NQ-DVKT-HĐQT	23/8/2022	NQ v/v thông qua chủ trương chào giá và Phương án kinh doanh sơ bộ gói thầu "Cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa hệ thống Tuabin - Máy phát và hệ thống phụ trợ tổ máy S2 - DH3"	100%
52	151/NQ-DVKT-HĐQT	29/8/2022	NQ v/v phê duyệt PAKD sơ bộ, giá trị hợp đồng và dự toán Hợp đồng "Công trình sửa chữa thiết bị NMB Formosa Hà Tĩnh (Mã công trình: LGMTO3R)"	100%
53	159/NQ-DVKT-HĐQT	16/9/2022	NQ v/v phê duyệt phương án bố trí công việc và giải quyết chế độ chính sách cho CBCNV tại Phòng Kinh doanh	100%
54	160/NQ-DVKT-HĐQT	16/9/2022	NQ tại cuộc họp ngày 12/9/2022 của HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (Phiên họp ngày 12/9/2022)	100%
55	161/QĐ-DVKT-HĐQT	20/9/2022	QĐ v/v phê duyệt, ban hành sửa đổi Quy chế hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
56	165/NQ-DVKT-HĐQT	29/9/2022	NQ v/v phê duyệt phương án kinh doanh sơ bộ, giá trị hợp đồng và dự thảo hợp đồng "Công trình sửa chữa thiết bị nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh (mã công trình: *LGTMO3D)"	100%
57	167/NQ-DVKT-HĐQT	30/9/2022	NQ v/v phê duyệt việc gia hạn Hợp đồng cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMB Vũng Áng 1 cho 6 tháng tiếp theo (từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 31/3/2023)	100%
58	172/NQ-DVKT-HĐQT	11/10/2022	NQ v/v công tác cán bộ tại CN Cà Mau và CN Nhơn Trạch	100%
59	174/NQ-DVKT-HĐQT	11/10/2022	NQ tại cuộc họp định kỳ quý III/2022 của HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (Phiên họp ngày 10/10/2022)	100%
60	175/NQ-DVKT-HĐQT	13/10/2022	NQ v/v phê duyệt bổ sung danh sách CBCNV nghỉ hưởng chế độ theo Nghị quyết số 45/NQ/DVKT-HĐQT ngày 30/3/2022 của HĐQT Công ty	100%
61	177/NQ-DVKT-HĐQT	14/10/2022	NQ v/v thành lập Phòng Phát triển Dịch vụ trực thuộc Chi nhánh Hà Tĩnh	100%
62	178/NQ-DVKT-HĐQT	14/10/2022	NQ v/v thông qua kế hoạch và chi phí tổ chức sự kiện kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty (27/11/2007 - 27/11/2022)	100%
63	179/QĐ-DVKT-HĐQT	14/10/2022	QĐ v/v thành lập Ban chỉ đạo sự kiện kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty (27/11/2007 - 27/11/2022)	100%
64	180/NQ-DVKT-HĐQT	25/10/2022	NQ v/v bổ sung kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2022 và kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Công ty (27/11/2007-27/11/2022)	100%
65	182/NQ-DVKT-HĐQT	28/10/2022	Nghị quyết v/v phê duyệt PAKD Hợp đồng số 17/HĐ/PVPTSC-NFS-PVPS/2022/DV về việc cung cấp dịch vụ Đại tu hệ thống lò hơi, hệ thống ESP, FGD, SCR Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%

045
 TY
 AN
 THU
 ĐẤU K
 JAM
 1-TP

66	183/NQ-DVKT-HĐQT	28/10/2022	Nghị quyết v/v phê duyệt PAKD Hợp đồng số 140/2022/HĐ/ĐLĐKHT và việc cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa hệ thống máy nghiền than Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1	100%
67	188/NQ-DVKT-HĐQT	8/11/2022	NQ v/v điều động và giao nhiệm vụ phụ trách Phòng Phát triển dịch vụ Chi nhánh Hà Tĩnh với Ông Nguyễn Ngọc Dũng	100%
68	190/QĐ-DVKT-HĐQT	9/11/2022	QĐ v/v điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc diện Công ty quản lý giai đoạn 2021-2026 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2026-2031	100%
69	194/NQ/DVKT-HĐQT	17/11/2022	NQ v/v bổ sung kinh phí tổ chức các công việc phát sinh cuối năm 2022	100%
70	195/NQ/DVKT-HĐQT	17/11/2022	NQ v/v phê duyệt PAKD thực hiện HĐ số 19/PVPTSC-TTID+PVPS/2022/DV.VA1 về việc cung cấp dịch vụ đại tu hệ thống Bơm nước ngưng, bơm nước cấp, Tuabin dẫn động bơm nước cấp và thuê chuyên gia thực hiện công tác đại tu hệ thống bơm nước cấp và Tuabin dẫn động Tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2022	100%
71	196/NQ-DVKT-HĐQT	23/11/2022	Nghị quyết V/v phê duyệt Phương án kinh doanh Hợp đồng LGTM03R và Hợp đồng LGTM03D tại Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh	100%
72	197/NQ-DVKT-HĐQT	25/11/2022	NQ v/v phê duyệt Quy chế kiểm tra, giám sát của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
73	202/QĐ-DVKT-HĐQT	9/12/2022	QĐ v/v phê duyệt, ban hành sửa đổi Quy định về nguyên tắc quản lý lao động, tiền lương tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
74	207/NQ/DVKT-HĐQT	20/12/2022	Nghị quyết v/v tiếp tục tham gia Bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao cho CBCNV Công ty năm 2023	100%
75	209/NQ/DVKT-HĐQT	26/12/2022	NQ v/v phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
76	211/NQ/DVKT-HĐQT	28/12/2022	NQ v/v nội dung dự thảo gia hạn HĐ cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên NMD Cà Mau 1&2	100%
77	212/NQ-DVKT-HĐQT	28/12/2022	NQ v/v phê duyệt PAKD sơ bộ và ký bổ sung Hợp đồng số 17/HĐ/PVPSTSC-NPS-PVPS/2022/DV về việc thực hiện đảo các khối gia nhiệt Bộ sấy không khí nhánh B và vệ sinh tro bằng nước cao áp các khối trao đổi nhiệt của Bộ sấy không khí nhánh A và B trong đại tu Tổ máy số 1 Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2022	100%

T.C.P * 10

Số: 221 /BC/DVKT-BKS

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2023
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Kính gửi:

- Các quý cổ đông;
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

I. Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội nước CHXHCNVN ban hành ngày 26/11/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Điều lệ Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty/ PV Power Services);
- Quy chế số 226/QC/BKS-DVKT ngày 29/4/2021 quy định về hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Nghị quyết số 82/QĐ/HĐQT-DVKT của Đại Hội đồng cổ đông PV Power Services tại phiên họp thường niên ngày 28/4/2022.

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

Ban Kiểm soát PV Power Services gồm ba (03) thành viên, trong đó:

- Ông Phạm Hùng Anh là Thành viên chuyên trách đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát;
- Ông Nguyễn Quang Đông là Thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
- Ông Lữ Văn Thụ là Thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm ngày 28/4/2022.
- Bà Nghiêm Thị Phương là Thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 28/4/2022 (thay thế Ông Lữ Văn Thụ).

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát và theo kế hoạch hoạt động năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

BKS hoạt động theo nguyên tắc chủ động và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. Việc kiểm tra, giám sát của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong kỳ báo cáo, Ban Kiểm soát đã thực hiện những công tác sau:

- Giám sát việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 trong công tác phân giao kế hoạch SXKD;
- Giám sát việc tuân thủ quy định, quy chế quản lý nội bộ, chủ trương/chính sách, chỉ đạo của Công ty mẹ (PV Power) và pháp luật Nhà nước;
- Thẩm định Báo cáo tài chính các quý và cả năm 2022.
- Kiểm tra/giám sát việc thực hiện các kiến nghị của BKS.

1. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

1.1. Các cuộc họp định kỳ: trong năm 2022, BKS đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ hàng quý.

- Hình thức họp: trực tuyến.
- Thành phần tham dự: các thành viên BKS.
- Nội dung các cuộc họp:
 - + Thông qua nội dung kiểm soát hàng quý;
 - + Thống nhất kết quả kiểm soát và các kiến nghị đối với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.
- Kết quả các cuộc họp: 100% thống nhất các nội dung được đưa ra trao đổi, xin ý kiến trọng cuộc họp.

1.2. Họp chuyên đề: trong năm 2022, BKS thực hiện một số cuộc họp liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát tại Chi nhánh Đà Nẵng, trong đó:

- Hai (02) cuộc họp nội bộ giữa các thành viên BKS tập trung chủ yếu các ở các nội dung sau:
 - + Thông qua phạm vi, nội dung, cách thức thực hiện cuộc kiểm tra, giám sát, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên BKS;
 - + Thống nhất kết quả kiểm tra, giám sát.
 - + Một (01) cuộc họp giữa các thành viên BKS với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và đơn vị do BKS thực hiện cuộc kiểm tra giám sát để thông báo kết quả làm việc, nêu các kiến nghị và thống nhất biên bản làm việc.

1.3. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên:

Trong năm 2022, kết quả kiểm tra giám sát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và đơn vị ghi nhận và thực hiện. Ban Kiểm soát cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát và đưa ra ý kiến nhận xét/kiến nghị dựa trên những cơ sở và căn

cứ hợp lý trong năm 2022 là đúng với chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong đó:

- **Ông Phạm Hùng Anh – Trưởng Ban Kiểm soát:**

- + Tham dự 100% các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thực hiện đúng vai trò thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách tại Công ty trong công tác phổ biến tình hình SXKD, hoạt động quản trị, điều hành tại đơn vị. Thực hiện tốt công tác tổ chức các hoạt động chung của Ban Kiểm soát;
- + Thực hiện tốt công tác triển khai các kế hoạch kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã thống nhất trong Ban Kiểm soát. Thực hiện tốt công tác tổng hợp các nội dung/ý kiến, kết quả kiểm tra giám sát của các thành viên Ban Kiểm soát, lập các báo cáo/kiến nghị đến HĐQT, Ban Giám đốc và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát;
- + Thực hiện đúng quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Thành viên BKS chuyên trách trong việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành luật pháp, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; công tác tuân thủ các quy định, quy chế quản lý nội bộ, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo SXKD. Lập các báo cáo hoạt động kiểm soát định kỳ theo quy định;
- + Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT nếu được mời tham dự.

- **Ông Nguyễn Quang Đông – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm:**

- + Tham dự 100% các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về các nội dung được thảo luận trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát;
- + Tham dự 100% các cuộc kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, thực hiện đúng quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát và đưa ra các kiến nghị, góp ý hoàn thiện trong công tác quản trị, điều hành SXKD. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo nội dung được phân công thực hiện;
- + Thực hiện đúng quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Thành viên BKS chuyên trách trong việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành luật pháp, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; công tác tuân thủ các quy định, quy chế quản lý nội bộ, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo SXKD. Lập các báo cáo hoạt động kiểm soát định kỳ theo quy định.

- **Ông Lữ Văn Thụ (từ 01/1/2022 đến 28/4/2022) và Bà Nghiêm Thị Phương (từ 28/4/2022 đến nay) – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm:**

- + Tham dự 100% các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về các nội dung được thảo luận trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát;
- + Tham dự 100% các cuộc kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, thực hiện đúng quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát và đưa ra các kiến nghị, góp ý hoàn thiện trong công tác quản trị, điều hành SXKD. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo nội dung được phân công thực hiện;

- + Thực hiện đúng quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Thành viên BKS chuyên trách trong việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành luật pháp, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; công tác tuân thủ các quy định, quy chế quản lý nội bộ, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo SXKD. Lập các báo cáo hoạt động kiểm soát định kỳ theo quy định.

2. Tiền lương/thù lao và các quyền lợi khác:

2.1. Tiền lương/thù lao:

a) Báo cáo tiền lương/thù lao BKS năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Tiền lương/thù lao năm
1	Ông Phạm Hùng Anh	642.809.642
2	Ông Nguyễn Quang Đông (Thành viên BKS kiêm nhiệm)	32.000.000
3	Bà Nghiêm Thị Phượng (TV BKS Kiêm nhiệm – Được ĐHĐCĐ bầu ngày 28/4/2022)	24.000.000
4	Ông Lữ Văn Thụ (TV BKS Kiêm nhiệm – ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 28/4/2022)	8.000.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2022)

b) Dự kiến tiền lương/thù lao BKS năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm (chuyên trách)	Tiền lương/thù lao năm (kiêm nhiệm)
1	Trưởng BKS	1	643.000.000	60.000.000
2	TV BKS kiêm nhiệm	2	72.000.000	
Tổng cộng			715.000.000	132.000.000

- 2.2.** Các quyền lợi khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế/quy định khác có liên quan hiện đang áp dụng tại Công ty.

III. Kết quả kiểm soát:

1. Về hoạt động kinh doanh, tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính:

Tại thời điểm báo cáo, PV Power Services đã công bố Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý Tài chính của Công ty và các tài liệu liên quan được Công ty công bố công khai và/hoặc cung cấp cho Ban Kiểm soát theo quy định để áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, đối chiếu với số liệu hạch toán để đưa ra ý kiến đối về kết quả kiểm toán Báo cáo Tài chính 2022.

Đối với hoạt động đầu tư/ mua sắm, sử dụng các nguồn lực phục vụ SXKD của Công ty, BKS không trực tiếp tham gia quản trị, điều hành, do đó Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp để đưa ra các ý kiến đánh giá và/hoặc kiến nghị hoàn thiện.

1.1. Huy động, sử dụng vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2022:

Số TT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số cổ phần	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power)	51%	7,650,000	76,500,000,000
2	YTL Power Service Sdn.Bhd (YTL PS)	18%	2,700,000	27,000,000,000
3	Cổ đông khác	31%	4,650,000	46,500,000,000
	Cộng	100%	15,000,000	150,000,000,000

Lưu ý:

- *Cổ đông PV Power và YTL PS là các cổ đông sáng lập, được quản lý giao dịch cổ phiếu theo hình thức “hạn chế chuyển nhượng”, thực hiện chế độ báo cáo giao dịch trực tiếp với cơ quan quản lý chứng khoán là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).*
- **Tiền, tương đương tiền: 20.917.908.231 VND**
bao gồm:
 - + *Tiền mặt: 232.012.685 VND*
 - + *Tiền gửi không kỳ hạn tại các Ngân hàng: 20.685.895.546 VND*

-	Đầu tư tài chính ngắn hạn:	80.970.000.000 VND
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng:	281.130.285.313 VND
	<u>Trong đó các khách hàng thuộc PV Power:</u>	
	+ Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau:	44.991.694.810 VND
	+ Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh:	7.150.247.421 VND
	+ Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch:	199.964.530.679 VND
	+ Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:	11.220.303.173 VND
	+ Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPS TSC):	10.155.894.704 VND
	+ BQLDA ĐLDK Sông Hậu 1:	1.890.673.600 VND
	+ BQLDA ĐLDK Long Phú 1:	495.191.436 VND
-	Trả trước cho người bán ngắn hạn:	24.000.000 VND
-	Phải thu ngắn hạn khác:	2.590.499.151 VND
-	Hàng tồn kho:	20.753.323.954 VND
-	Phải thu dài hạn:	32.860.000 VND
-	Tài sản cố định:	11.566.851.461 VND
-	Đầu tư tài chính dài hạn (vốn góp cổ phần tại PAIC):	5.040.000.000 VND
-	Tài sản dài hạn khác:	23.029.579.421 VND
	TỔNG TÀI SẢN:	446.055.307.531 VND
-	Nợ ngắn hạn:	256.755.507.221 VND
-	Vốn chủ sở hữu:	189.299.800.310 VND
	TỔNG NGUỒN VỐN	446.055.307.531 VND

Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của Kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo Kiểm toán độc lập Báo cáo Tài chính năm 2022.

2.3. Tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2022 và một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2022:

1.2.1 Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giao theo Nghị quyết định số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/4/2022:

a. Doanh thu:

- Tổng doanh thu, thu nhập năm 2022 đạt 267,35 tỷ đồng, giảm 2% kế hoạch SXKD năm 2022 (272,19 tỷ đồng), tăng 12% so với năm 2021. Bao gồm:
 - + Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: 259,67 tỷ đồng, giảm 5% kế hoạch năm 2022 (271,29 tỷ đồng), tăng 9% so với năm 2021;

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính: 5,51 tỷ đồng;

+ Thu nhập khác: 2,18 tỷ đồng.

b. Chi phí sản xuất kinh doanh: Tổng chi phí được ghi nhận vào giá thành SXKD năm 2022 là 244,11 tỷ đồng, giảm 3% kế hoạch SXKD năm 2022 (251,99 tỷ đồng), tăng 12% so với năm 2021. Bao gồm:

(i). Chi phí sản xuất trực tiếp (Giá vốn): 203,69 tỷ đồng, chiếm 83% tổng chi phí thực hiện trong kỳ, tăng 19% chi phí kế hoạch (171,41 tỷ đồng), tăng 11% so với năm 2021, trong đó:

– Chi phí vật tư phục vụ sửa chữa tại các NMD Cà Mau 1&2, Nhon Trạch 1 và Nhon Trạch 2, Vũng Áng 1: 5,07 tỷ đồng, chiếm 2% giá vốn thực hiện;

– Chi phí nhân công trực tiếp thực hiện dịch vụ sửa chữa tại các NMD Cà Mau 1&2, Nhon Trạch 1 và Nhon Trạch 2, Vũng Áng 1: 95,10 tỷ đồng, chiếm 47% giá vốn thực hiện;

– Chi phí máy thi công thực hiện dịch vụ sửa chữa tại các NMD Cà Mau 1&2, Nhon Trạch 1 và Nhon Trạch 2, Vũng Áng 1: 7,33 tỷ đồng, chiếm 4% giá vốn thực hiện;

– Chi phí chung phục vụ tại các NMD Cà Mau 1&2, Nhon Trạch 1 và Nhon Trạch 2, Vũng Áng 1: 39,96 tỷ đồng, chiếm 20% giá vốn thực hiện;

– Chi phí thực thanh – thực chi: 8,11 tỷ đồng, chiếm 4% giá vốn thực hiện;

– Chi phí thực hiện phát triển dịch vụ: 48,12 tỷ đồng, chiếm 23% giá vốn thực hiện.

(ii). Chi phí quản lý : 39,96 tỷ đồng, chiếm 16% tổng chi phí thực hiện trong kỳ, giảm 1% kế hoạch năm 2022, tăng 17% so với năm 2021;

(iii). Chi phí tài chính: 0,16 tỷ đồng;

(iv). Chi phí khác: 0,31 tỷ đồng.

c. Lợi nhuận:

(i) Lợi nhuận gộp: 55,98 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2021, trong đó:

– Lợi nhuận từ các hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng dài hạn các NMD Cà Mau 1&2, Nhon Trạch 1, Nhon Trạch 2 và Vũng Áng 1: 39,48 tỷ đồng;

– Lợi nhuận từ hoạt động phát triển dịch vụ: 16,50 tỷ đồng.

(ii) Lợi nhuận trước thuế: 23,24 tỷ đồng, tăng 15% Kế hoạch năm 2022, tăng 10% so với thực hiện năm 2021.

1.2.2 Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2022:

(Xem chi tiết tại Biểu 1F)

2.4. Các giao dịch với cổ đông nội bộ và/hoặc có liên quan đến cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng SCTX Nhà máy điện Cà Mau 1&2 với Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (Cổ đông chi phối);
- Hợp đồng SCTX Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 với Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (Cổ đông chi phối);
- Hợp đồng bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị có vốn góp chi phối của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (Cổ đông chi phối);
- Hợp đồng SCTX Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (Cổ đông chi phối);
- Các hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đakring, Hòa Na là các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (Cổ đông chi phối).

Các giao dịch phát sinh công nợ với các đơn vị trên được thể hiện cụ thể tại Thuyết minh số 5 và 30 – Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính 2022.

Trong kỳ báo cáo, Ban Kiểm soát không ghi nhận và/hoặc được tiếp nhận những thông tin về các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác và/hoặc người có liên quan đến các chức danh trên của Công ty là sáng lập viên hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc và các cổ đông:

Ban Kiểm soát hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát số 226/QC/BKS-DVKT, ban hành ngày 29/4/2021 sau khi được thông qua tại Nghị Quyết số 75/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 23/4/2021. Quy chế do các thành viên Ban Kiểm soát chủ động soạn thảo đã xin ý kiến góp ý hoàn thiện từ HĐQT, Ban Giám đốc trước khi trình ĐHĐCĐ thông qua.

Ban Kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động trình ĐHĐCĐ thông qua làm cơ sở thực hiện ngay từ đầu năm. Việc triển khai kế hoạch trong năm được Ban Kiểm soát chủ động thực hiện phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty trên nguyên tắc không làm cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không làm gián đoạn công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo ĐHCĐ theo đúng quy định hiện hành. Tuyệt đối bảo vệ quyền lợi của các cổ đông. Thông tin báo cáo tới cổ đông được thực hiện một cách trung thực, cân trọng, chính xác. Đến thời điểm báo cáo, không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về hoạt động kiểm soát bất thường.

Trước khi triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát đều lập kế hoạch cụ thể thông báo tới HĐQT, Ban Giám đốc, đối tượng kiểm soát để phối hợp thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và đối tượng kiểm soát tạo mọi điều kiện, chế độ làm việc, cung cấp đầy đủ các tài liệu để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Kết quả kiểm, tra giám sát đều được Ban Kiểm soát báo cáo công khai với HĐQT, Ban Giám đốc và đối tượng kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban sản xuất do Ban Giám đốc chủ trì. Trước mỗi kỳ họp, Ban Kiểm soát cũng nhận được đầy đủ các tài liệu liên quan. Trong các cuộc họp, Ban Kiểm soát cũng được tạo điều kiện tham gia ý kiến, trình bày quan điểm kiến nghị đóng góp vào việc hoàn thiện công tác quản trị, điều hành Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được HĐQT đưa vào nghị quyết để chỉ đạo điều hành, kiểm điểm thực hiện hàng quý.

2.6. Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động:

Công ty thực hiện giao kế hoạch quỹ lương 2022 tại Quyết định số 90/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 09/5/2022. Trên cơ sở số liệu tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Việc thực hiện quỹ lương 2022 được xác định như sau:

- Tổng số CBCNV của PV Power Services tại thời điểm 31/12/2022 là 438 người, giảm 45 lao động so với thời điểm kết thúc năm 2021 (483 người);
 - Quỹ lương 2022 thực hiện năm 2022: 111,60 tỷ đồng, tương đương 110% Quỹ lương kế hoạch 2022 (100,97 tỷ đồng), trong đó:
 - + *Quỹ lương của Người lao động: 106,82 tỷ đồng, chiếm 96% Quỹ lương thực hiện 2022, tăng 12% quỹ lương kế hoạch 2022 của Người lao động (95,60 tỷ đồng);*
 - + *Quỹ lương của Người đại diện: 4,79 tỷ đồng, chiếm 4% Quỹ lương thực hiện 2022, giảm 11% quỹ lương kế hoạch 2022 của Người đại diện (5,37 tỷ đồng).*
 - Tiền lương bình quân của Người lao động: 19,69 triệu đồng/người/tháng;
- Việc chi trả tiền lương cho người lao động được thực hiện theo Quy chế

lương và Quy chế đánh giá của tập thể, cá nhân trong Công ty.

2.7. Ý kiến đánh giá của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về hoạt động SXKD năm 2022, trong đó ghi nhận những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự sụt giảm về doanh thu, chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD trong kỳ;
- Ban Kiểm soát cũng ghi nhận những nỗ lực của Công ty khi áp dụng các biện pháp bù đắp doanh thu, tiết giảm chi phí, hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận trong kỳ, đảm bảo lợi ích của cổ đông đã quyết nghị trong ĐHĐCĐ thường niên 2022. Phản ánh tại những chỉ tiêu cụ thể sau:
 - + Doanh thu dịch vụ ngoài (bao gồm Chi nhánh Đà Nẵng, hỗ trợ nhân công dự án NMD Sông Hậu 1, công tác phòng mòn NMD Vũng Áng 1): 58,35 tỷ đồng chiếm 22% doanh thu thuần thực hiện trong kỳ, tăng 45% doanh thu kế hoạch theo hạng mục tương ứng (40,35 tỷ đồng), tăng 2% so với thực hiện năm 2021;
 - + Chi phí quản lý tại văn phòng Hà Nội (không bao gồm lương và các khoản trích theo lương) là 14,32 tỷ đồng, giảm 15% kế hoạch 2022 (16,76 tỷ đồng).

2.8. Những điểm cần lưu ý:

- Tính đến 31/12/2022, công nợ tồn đọng tại Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (đã báo cáo tại các kỳ trước) vẫn chưa giải quyết dứt điểm. Xét về tuổi nợ, có những khoản công nợ phát sinh từ 2017, tính đến thời điểm hiện tại đã trên 5 năm, Công ty cần đánh giá khả năng thu hồi, xem xét đến phương án trích lập dự phòng vào kỳ kinh doanh 2023;
- Kiểm toán viên đã nhấn mạnh trong Báo cáo kiểm toán Báo cáo Tài chính 2022 của Công ty về chi phí chuẩn bị sản xuất tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 7,08 tỷ đang phản ánh tại chỉ tiêu Hàng tồn kho, Công ty cần xem xét, đánh giá tính khả thi của dự án để có phương án quyết toán, xử lý khoản chi phí này trong năm 2023;

3. Đánh giá thẩm định các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua:

3.1. Trong phạm vi chuyên môn và chức năng nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát nhất trí với các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Báo cáo của Ban Giám đốc sẽ trình bày tại ĐHĐCĐ.

3.2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Tờ trình số 41/Ttr-DVKT-HĐQT ngày 20/3/2023 của Hội đồng quản trị về

việc thông qua Báo cáo Tài chính 2022 đã được kiểm toán. Như đã trình bày ở phần 1, Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của Kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo Kiểm toán độc lập Báo cáo Tài chính năm 2022.

3.3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

Tờ trình số 145/Ttr-DVKT-DVKT ngày 15/3/2023 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 do Ban Kiểm soát lập trình ĐHCĐ thông qua trên cơ sở:

- Các đơn vị nằm trong danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính công bố;
- Kinh nghiệm đã thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính tại Công ty trong các kỳ kinh doanh trước đó.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm về các nội dung trình ĐHCĐ thông qua.

3.4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Tờ trình số 42/Ttr-DVKT-HĐQT ngày 20/3/2023 của Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2022, kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023. Ban Kiểm soát đánh giá nội dung tờ trình phù hợp với Quy chế quản lý tài chính hiện hành tại Công ty.

3.5. Phê duyệt tiền lương/thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát 2022 và dự kiến tiền lương/thù lao chi phí năm 2023.

Tờ trình số 43/Ttr-DVKT-HĐQT ngày 20/3/2023 của Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ phê duyệt tiền lương/thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022 và dự kiến tiền lương/thù lao năm 2023. Ban Kiểm soát đánh giá nội dung tờ trình phù hợp với Quy chế trả lương hiện hành và điều kiện thực tế tại Công ty.

4. Đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước và Nghị quyết, chủ trương chính sách của Công ty mẹ (PV Power):

4.1. Về việc thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc các cơ quan quản lý chức năng Nhà nước:

Trong kỳ báo cáo, PV Power Services không thuộc đối tượng kiểm tra của các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước.

4.2. Về việc thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra, chấp hành các Nghị quyết ĐHCĐ, chủ trương, chính sách của Công ty mẹ (PV Power):

- Ban Kiểm soát đánh giá Công ty đã nghiêm túc chấp hành chế độ báo cáo theo Quyết định số 982/QĐ-ĐLTK ngày 23/9/2019 của Hội đồng quản trị

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

(Chi tiết tại Mẫu 1G đính kèm)

5. Đánh giá giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Ban Kiểm soát đánh giá về cơ bản, công tác định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong năm 2022 luôn bám sát vào tình hình hoạt động thực tế tại Công ty, Công ty mẹ (PV Power) và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị được tuân thủ theo Điều lệ Công ty, có nội dung, chuyên đề sát với thực tiễn. Nghị quyết của kỳ họp luôn có tính định hướng vào các vấn đề cụ thể với quy định về tiến độ thực hiện, qua đó thực hiện được chức năng quản lý, giám sát đối với Ban điều hành.

Trong năm 2022, thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra của Công ty mẹ (PV Power), Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc đã tăng cường rà soát, sửa đổi các Quy chế, quy định phục vụ quản lý nội bộ. Tính đến hết năm 2022, công tác này đã cơ bản hoàn thành, các văn bản quản lý nội bộ đã được trình lên Hội đồng quản trị xem xét ban hành.

Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc luôn bám sát và các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông và pháp luật hiện hành, chủ động trong khai thác và tìm kiếm thêm công việc, linh hoạt trong việc sử dụng các nguồn lực hiện có trong Công ty. Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

6. Kiến nghị:

- Đề nghị Công ty tiếp tục bám sát và thực hiện có hiệu quả các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty tại văn bản số 710/ĐLTK - HĐQT ngày 06/5/2022 và Kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty tại văn bản số 760/ĐLTK – BKS ngày 13/5/2022;
- Đề nghị Hội đồng quản trị thiết lập lại chế độ báo cáo của Người đại diện phần vốn của Công ty tại PAIC theo quy định tại Quy chế Người đại diện của Công ty tại Doanh nghiệp khác ban hành theo Quyết định số 279/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 22/11/2017.

IV. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm 2023:

Thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Thông tư 116/2020/TT-BTC. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023 như sau:

- **Quý I/2023:**
 - + Thực hiện thẩm định BCTC 2022 sau kiểm toán;
 - + Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2022 trước ĐHĐCĐ thường niên 2023;
 - + Lập Kế hoạch hoạt động năm 2023 trình ĐHĐCĐ thông qua;
- **Quý II/2023:**
 - + Thực hiện thẩm định BCTC Quý I/2023;
 - + Tiến hành kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị trực thuộc (phối hợp cùng các đoàn kiểm tra của Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc);
- **Quý III + IV/2023:**
 - + Thẩm định BCTC bán niên 2023;
 - + Tiến hành kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị trực thuộc (phối hợp cùng các đoàn kiểm tra của Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc);
 - + Đánh giá công tác kiểm tra, kiểm soát 6 tháng đầu năm 2023
 - + Giám sát việc thực hiện các kiến nghị các lần kiểm tra, kiểm soát đã thực hiện trong năm 2023.
 - + Lập kế hoạch hoạt động năm 2024.
- **Công tác kiểm tra/ kiểm soát bất thường:** Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2022 và phương hướng hoạt động của năm 2023 của Ban Kiểm soát PV Power Services, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD Công ty (để biết);
- Lưu: VT, BKS.

Đính kèm:

- Các biểu: 1A, 1B, 1C, 1F, 1G;



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**
Năm 2022

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 17 tháng 10 năm 2019
Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ Kỹ thuật Điện
Địa chỉ, điện thoại, Fax : Tầng 7, Tòa nhà Hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2021	Thực hiện Năm 2022	So sánh với cùng kỳ
1	2	3	4	5	7
1	Tổng số doanh nghiệp	DN			
	- Doanh nghiệp có lãi	DN			
	- Doanh nghiệp hòa vốn	DN			
	- Doanh nghiệp lỗ	DN			
2	Tổng số lao động	người			
3	Số phải nộp ngân sách	tr. Đồng			
4	Tổng số vốn chủ sở hữu	tr. Đồng	187,587	189,300	101%
	Trong đó				
	- Vốn điều lệ	tr. Đồng	150,000	150,000	100%
	- Tổng số vốn của Tổng Công ty	tr. Đồng	78,500	78,500	100%
	- Lỗ lũy kế	tr. Đồng			
5	Tổng số nợ phải trả	tr. Đồng	243,073	256,756	106%
	Trong đó: Nợ quá hạn	tr. Đồng			
6	Tổng nợ phải thu	tr. Đồng	284,887	283,778	100%
	Trong đó: Nợ khó đòi	tr. Đồng			
7	Kết quả kinh doanh				
	- Doanh thu (không thuế)	tr. Đồng	239,528	267,350	112%
	- Lợi nhuận trước thuế	tr. Đồng	21,025	23,240	111%

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

(Các chỉ tiêu tài chính cơ bản)

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
 Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 17 tháng 10 năm 2019
 Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ Kỹ thuật Điện
 Vốn điều lệ : 150.000 triệu đồng
 Trong đó: Vốn Tổng Công ty : 76.500 triệu đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (Sau kiểm toán)	Số đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	406,386,016,649	386,981,642,135
1	Tiền, trong đó tiền	110-BCĐKT	20,917,908,231	87,271,432,992
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	80,970,000,000	5,170,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	283,744,784,464	284,849,013,556
	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-	-
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	20,753,323,954	9,691,195,587
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		
II	Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	39,669,290,882	43,678,574,313
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	32,860,000	37,860,000
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	11,566,851,461	12,829,870,173
	- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	11,566,851,461	12,793,395,339
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT		36,474,834
3	Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	-	2,098,181,818
4	Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	5,040,000,000	5,040,000,000
	Trong đó: Dự phòng giảm giá			
6	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	23,029,579,421	23,672,662,322
III	Nợ phải trả	300-BCĐKT	256,755,507,221	243,072,724,482
	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	256,755,507,221	243,072,724,482
	Trong đó: Nợ quá hạn		-	-
	Trong đó: Quý khen thưởng phúc lợi	322-BCĐKT	970,574,323	2,095,108,314
	Nợ dài hạn	330-BCĐKT	-	-
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT	189,299,800,310	187,587,491,966
1	Vốn chủ sở hữu	411-BCĐKT	150,000,000,000	150,000,000,000

	<i>Trong đó: Vốn góp của PV-Power</i>		76,500,000,000	76,500,000,000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418 BCĐKT	20,686,994,576	20,686,994,576
3	Lợi nhuận chưa phân phối	421-BCĐKT	18,612,805,734	16,900,497,390
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
V	Kết quả kinh doanh			
1	Tổng doanh thu		267,350,020,684	239,527,971,270
	- Doanh thu thuần từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	259,665,241,559	237,300,824,381
	- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	5,509,014,441	2,123,739,919
	- Thu nhập khác	31-BCKQKD	2,175,764,684	103,406,970
2	Tổng chi phí		244,110,183,804	218,503,109,958
	- Giá vốn		203,687,953,208	184,019,281,421
	- Chi phí tài chính		155,772,242	128,203,573
	- Chi phí bán hàng		-	-
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp		39,960,371,128	34,270,421,199
	- Chi phí khác		306,087,226	85,203,765
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	23,239,836,880	21,024,861,312
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		4,769,939,524	4,196,916,253
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60-BCKQKD	18,469,897,356	16,827,945,059
VI	Các chỉ tiêu khác			
1	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		20,354,298,763	7,435,962,332
2	<i>Trong đó: Các loại thuế</i>			
	- Thuế GTGT		13,351,712,161	5,053,574,277
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		41,715,075	
	- Thuế nhập khẩu			
	- Thuế TNDN		4,769,939,524	2,189,250,583
	- Thuế TNCN		2,185,932,003	188,137,472
	- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu			
	- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu			
	- Thuế môn bài			
	- Các loại thuế khác		5,000,000	5,000,000
3	Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		12.28%	11.21%
4	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		136%	130%

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ CỦA DOANH NGHIỆP

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Hht)

$$\text{Hht} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn (MS 100 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}} = \frac{406,386,016,649}{256,755,507,221} = 1.58$$

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (Hn)

$$\text{Hn} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tiền, các khoản tương đương tiền (MS 110} \\ \text{BCĐKT)} \\ \text{và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (MS} \\ \text{120 BCĐKT)} \end{array}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}} = \frac{101,887,908,231}{256,755,507,221} = 0.40$$

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN HUY ĐỘNG
(Không phát sinh)

M.S.D * M.S.D

M.S.D * M.S.D

BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Ghi chú
I	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI		
1	Suất sinh lời của tổng tài sản ROA	4.14%	
2	Suất sinh lời của chủ sở hữu ROE	9.76%	
3	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	8.69%	
II	CÁC HỆ SỐ HOẠT ĐỘNG		
1	Vòng quay nợ phải thu	0.91	
2	Thời gian phải thu trung bình	197.07	
3	Vòng quay tổng tài sản	0.59	
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0.91	
5	Vòng quay các khoản phải trả	0.82	
6	Thời gian phải trả trung bình	220.85	
7	Vòng quay vốn lưu động	0.65	
8	Hiệu suất sử dụng vốn cố định	6.23	
III	CÁC HỆ SỐ CƠ CẤU VỐN		
1	Hệ số bảo toàn vốn H	1.01	
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0.42	
3	Hệ số nợ tài sản	0.58	
5	Hệ số nợ nguồn vốn	1.36	
IV	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1.58	
2	Hệ số thanh toán nhanh	0.40	

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng Công ty năm 2022

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
				5A	5B	5C	
I							
VĂN BẢN THÁNG 1/2022							
1	37/ĐLĐK-KTKH	12/01/2022	V/v mời tham dự Hội nghị tổng kết công tác năm 2021 và triển khai nhiệm vụ năm 2022	x			Triển khai thực hiện
2	61/TB-ĐLĐK	14/01/2022	V/v TB kết luận của Tổng giám đốc PV Power tại cuộc họp giao ban đầu năm, tháng 1/2022	x			Triển khai thực hiện
3	33/QĐ-ĐLĐK	17/01/2022	Xếp loại cán bộ năm 2021 đối với các bộ là Phó giám đốc các đơn vị trực thuộc, thành viên của PV Power	x			Triển khai thực hiện
4	37/QĐ-ĐLĐK	19/01/2022	V/v Phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong HĐQT PV Power	x			Triển khai thực hiện
5	05/NQ-ĐLĐK	19/01/2022	V/v thông qua Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
6	42/QĐ-ĐLĐK	21/01/2022	V/v Phê duyệt kết quả tạm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của các đơn vị thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
7	73/NQ/BTV	24/01/2022	V/v Sắp xếp Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật ĐLĐK Việt Nam (PV Power Services)	x			Triển khai thực hiện
8	107/ĐLĐK-TCNS	26/01/2022	V/v Sắp xếp Người đại diện Tổng công ty tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
II							
VĂN BẢN THÁNG 2/2022							
1	08/NQ-ĐLĐK	08/02/2022	Nghị quyết V/v thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
2	135/ĐLĐK-KTKH	08/02/2022	V/v triển khai Nghị quyết số 08/NQ-ĐLĐK của HĐQT PV Power về kế hoạch SXKD năm 2022	x			Triển khai thực hiện
3	120/NQ-ĐLĐK	31/12/2021	NQ Tại cuộc họp định kỳ quý IV năm 2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN - CTCP	x			Nhận văn bản ngày 10/02/2022 Triển khai thực hiện
4	168/ĐLĐK-KTKH	17/02/2022	V/v Thực hiện Nghị quyết 120/NQ-ĐLĐK ngày 31/12/2021 của HĐQT TCT tại cuộc họp định kỳ Quý IV/2021	x			Triển khai thực hiện
III VĂN BẢN THÁNG 3/2022							
1	249/ĐLĐK-KTKH	03/3/2022	V/v báo cáo sơ kết quý I năm 2022	x			Đã báo cáo tại văn bản số 20/DVKT-NĐD ngày 14/3/2022
2	283/ĐLĐK-KTKH	07/3/2022	Chính thức đánh giá hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021	x			Đã báo cáo tại văn bản số 28/DVKT-NĐD ngày 21/3/2022
3	320/ĐLĐK-TCNS	14/3/2022	V/v Quyết toán quý đầu tiên năm 2021 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2022	x			Triển khai thực hiện và báo cáo
4	360/ĐLĐK-KTKH	18/3/2022	V/v chuẩn bị tài liệu phục vụ cuộc họp định kỳ Quý I/2022 của HĐQT	x			Triển khai thực hiện
5	374/ĐLĐK-HBQT	21/3/2022	V/v Kế hoạch làm việc, giám sát tại PVPS trong Quý/2022 của HĐQT	x			Đã báo cáo tại văn bản số 37/DVKT-NĐD ngày 25/3/2022
6	389/TB-ĐLĐK	23/3/2022	V/v Thông báo kết luận của ông Phan Ngọc Hiền - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty tại cuộc họp Xây dựng mô hình tổ chức vận hành và bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Sông Hậu 1 - Lần thứ 2	x			Triển khai thực hiện
IV VĂN BẢN THÁNG 4/2022							
1	480/ĐLĐK-KTKH	04/4/2022	V/v sửa đổi điều lệ theo luật số 02/2022/QH15	x			Triển khai thực hiện
2	214/QĐ-ĐLĐK	07/4/2022	V/v thành lập Đoàn công tác thực hiện chương trình làm việc, giám sát tại PVPower Services	x			Triển khai thực hiện
3	542/ĐLĐK-KTKH	12/4/2022	V/v Tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 của PVPS	x			Đã báo cáo tại văn bản số 63/DVKT-NĐD ngày 13/4/2022
4	583/ĐLĐK-BKS	15/4/2022	V/v KH kiểm soát quý 2	x			Triển khai thực hiện
5	589/ĐLĐK-KTKH	18/4/2022	V/v tham dự ĐHCĐ PV Power năm 2022 theo hình thức trực tuyến	x			Triển khai thực hiện
6	25/NQ-ĐLĐK	18/4/2022	V/v thông qua chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của PV Power	x			Triển khai thực hiện

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
							Lý do
7	26/NQ-ĐLDK	18/4/2022	V/v giao chỉ tiêu tiết kiệm chi phí SXKD năm 2022 đối với Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của PV Power	x			Triển khai thực hiện
8	627/ĐLDK-TCNS	22/4/2022	V/v chủ trương về công tác cán bộ tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
9	630/ĐLDK-TCNS	22/4/2022	V/v chủ trương giới thiệu bổ nhiệm lại Phó giám đốc PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
10	288/QĐ-ĐLDK	27/4/2022	V/v Thay đổi người đại diện của PV Power tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
11	669/ĐLDK-TCNS	27/4/2022	V/v Thay đổi người đại diện của PV Power tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
12	32/NQ-ĐLDK	28/4/2022	V/v thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 của PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
VĂN BẢN THÁNG 5/2022							
1	301/QĐ-ĐLDK	05/5/2022	V/v phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021 của các đơn vị thành viên của PV Power	x			Triển khai thực hiện
2	309/QĐ-ĐLDK	06/5/2022	V/v Quyết định thành lập Đoàn kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLDK Việt Nam	x			Triển khai thực hiện
3	710/ĐLDK-HĐQT	06/5/2022	V/v kết quả làm việc, giám sát tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
4	724/ĐLDK-TCNS	09/5/2022	V/v triển khai lao động tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
5	37/NQ-ĐLDK	09/5/2022	V/v NQ tại cuộc họp định kỳ Quý I năm 2022 của HĐQT PV Power	x			Triển khai thực hiện
6	726/ĐLDK-KTKH	09/5/2022	V/v thông báo kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021	x			Triển khai thực hiện
7	728/ĐLDK-TCKT	10/5/2022	V/v thông báo kiểm toán nội bộ tại PVPS	x			Đã báo cáo tại văn bản số 93/DVKT-NĐD ngày 11/5/2022
8	744/ĐLDK-KTKH	11/5/2022	V/v thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-ĐLDK ngày 06/5/2022 của HĐQT TCT tại cuộc họp định kỳ quý I/2022	x			Triển khai thực hiện

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện				Chi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	Lý do	
9	753/ĐLĐK-KTKH	13/5/2022	V/v triển khai Nghị quyết số 26/NQ-ĐLĐK ngày 18/4/2022 của HĐQT PV Power	x				Triển khai thực hiện
10	760/ĐLĐK-BKS	13/5/2022	V/v kết quả kiểm soát quý II/2022	x				Triển khai thực hiện
11	807/ĐLĐK-KTKH	23/5/2022	V/v báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2022	x				Đã báo cáo tại văn bản số 111/ĐVKT-NĐD ngày 09/6/2022
VI. VĂN BẢN THÁNG 6/2022								
1	410/QĐ-ĐLĐK	10/6/2022	V/v phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong HĐQT PV Power	x				Triển khai thực hiện
2	43/NQ-ĐLĐK	13/6/2022	V/v Thông qua kế hoạch thực hiện công tác An sinh xã hội năm 2022 - 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x				Triển khai thực hiện
3	938/ĐLĐK-KTKH	13/6/2022	V/v chuẩn bị tài liệu phục vụ cuộc họp định kỳ Quý II/2022 của HĐQT	x				Triển khai thực hiện
4	1010/ĐLĐK-KTKH	22/6/2022	V/v xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023	x				Đã báo cáo tại văn bản số 123/ĐVKT-NĐD ngày 01/7/2022
5	1029/ĐLĐK-TCNS	23/6/2022	V/v giới thiệu bổ nhiệm/bổ nhiệm lại Phó giám đốc PV Power services	x				Triển khai thực hiện
VII. VĂN BẢN THÁNG 7/2022								
1	498/QĐ-ĐLĐK	25/7/2022	V/v Giao nhiệm vụ Thu ký Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x				Triển khai thực hiện
2	1210/TB-ĐLĐK	25/7/2022	V/v Thông báo kết luận của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Hội nghị sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) 6 tháng đầu năm, triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022	x				Triển khai thực hiện
3	52/NQ-ĐLĐK	28/7/2022	V/v Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ Quý II năm 2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x				Triển khai thực hiện
VIII. VĂN BẢN THÁNG 8/2022								
1	309/QĐ-ĐLĐK	01/8/2022	V/v phân công việc trong Ban Tổng giám đốc PV Power	x				Triển khai thực hiện
2	1271/ĐLĐK-KTKH	02/8/2022	V/v Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-ĐLĐK ngày 28/7/2022 của HĐQT TCT tại cuộc họp định kỳ Quý II/2022	x				Triển khai thực hiện

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
3	1289/ĐLĐK-KTKH	04/8/2022	V/v Tổng hợp đầu án nổi bật phục vụ Lễ kỷ niệm 15 năm thành lập PV Power			x	Đang triển khai thực hiện
4	1395/ĐLĐK-HĐQT	23/8/2022	V/v kết quả kiểm toán nội bộ tại PV Power Services			x	Triển khai thực hiện
5	1416/ĐLĐK-KTKH	26/8/2022	V/v Báo cáo sơ kết 09 tháng đầu năm 2022	x			Đã báo cáo tại văn bản số 157/DVKT-NĐD ngày 09/9/2022
6	1451/ĐLĐK-TCNS	31/8/2022	V/v nguyên định lao động tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
IX							
VĂN BẢN THÁNG 9/2022							
1	1480/TB-ĐLĐK	08/9/2022	V/v Thông báo kết luận của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam tại cuộc họp giao ban tháng 9/2022	x			Triển khai thực hiện
2	1559/ĐLĐK-KTKH	21/9/2022	V/v chuẩn bị tài liệu phục vụ cuộc họp định kỳ Quý III/2022 của HĐQT	x			Triển khai thực hiện
3	1578/ĐLĐK-KTKH	26/9/2022	V/v định hình thực hiện kết luận, kiến nghị của các Đoàn thanh kiểm tra	x			Đã báo cáo tại văn bản số 168/DVKT-NĐD ngày 30/9/2022
4	1597/ĐLĐK-TCNS	27/9/2022	V/v nguyên định lao động tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
VĂN BẢN THÁNG 10/2022							
1	656/QĐ-ĐLĐK	13/10/2022	V/v phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn SXKD của PV Power	x			Triển khai thực hiện
2	1746/ĐLĐK-KTKH	20/10/2022	V/v Ra soát kế hoạch SXKD năm 2023	x			Đã báo cáo tại văn bản số 185/DVKT-NĐD ngày 31/10/2022
3	1747/ĐLĐK-TCNS	20/10/2022	V/v Tuyển dụng lao động tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
4	665/QĐ-ĐLĐK	26/10/2022	V/v bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
5	1817/ĐLĐK-TCNS	31/10/2022	V/v Chuyển công tác của cán bộ PV Power Services tới BQLDA ĐLĐK Thái Bình 2	x			Triển khai thực hiện
VĂN BẢN THÁNG 11/2022							
1	1848/ĐLĐK-KTKH	03/11/2022	V/v lịch họp kế hoạch năm 2023 của các đơn vị	x			Triển khai thực hiện
2	1887/ĐLĐK-KTKH	10/11/2022	V/v báo cáo tổng kết năm 2022	x			Đã báo cáo tại văn bản số 193/DVKT-NĐD ngày 15/11/2022

STT	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
3	1895/ĐLĐK-TCNS	14/11/2022	V/v Chương trình làm việc với PV Power TSC và PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
4	1925/ĐLĐK-KTKH	17/11/2022	V/v thay đổi lịch họp kế hoạch năm 2023 của các đơn vị	x			Triển khai thực hiện
5	1932/ĐLĐK-KTKH	18/11/2022	V/v thực hiện công tác kiểm kê, đối chiếu công nợ năm 2022			x	Triển khai thực hiện Chưa đến thời hạn báo cáo
6	734/QĐ-ĐLĐK	24/11/2022	V/v Phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
7	743/QĐ-ĐLĐK	29/11/2022	V/v phê duyệt danh sách cán bộ có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập định kỳ năm 2022 của PV Power	x			Triển khai thực hiện
8	1996/ĐLĐK-VP	30/11/2022	Về việc chấn chỉnh việc tham dự các cuộc họp của Tổng công ty	x			Triển khai thực hiện
VĂN BẢN THÁNG 12/2022							
1	2019/ĐLĐK-TCNS	06/12/2022	V/v Chủ trương về công tác cần bộ	x			Đã báo cáo tại văn bản số 203/DVKT-NĐD ngày 09/12/2022
2	2044/ĐLĐK-KTKH	08/12/2022	V/v triển khai tạm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022	x			Đã báo cáo tại văn bản số 206/DVKT-NĐD ngày 15/12/2022
3	2068/TB-ĐLĐK	09/12/2022	V/v TB kết luận cuộc họp rà soát kế hoạch SXKD năm 2023 của PV Power Services	x			Đã báo cáo tại văn bản số 204/DVKT-NĐD ngày 09/12/2022
4	2084/ĐLĐK-KTKH	13/12/2022	V/v tham luận tại hội nghị tổng kết năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của PV Power	x			Triển khai thực hiện
5	2085/ĐLĐK-KTKH	13/12/2022	V/v chuẩn bị tài liệu phục vụ cuộc họp định kỳ Quý IV/2022 của HĐQT	x			Triển khai thực hiện
6	2186/ĐLĐK-TCNS	26/12/2022	V/v rà soát tình hình kinh tế HĐ lao động tại các đơn vị trực thuộc/ đơn vị thành viên TCT	x			Đã báo cáo tại văn bản số 907/BC-DVKT ngày 30/12/2022

Số: **40** /BC-DVKT-HĐQT
Về việc Báo cáo của thành viên độc lập
HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023

Hà Nội, ngày **20** tháng **3** năm 2023

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam,

Theo các quy định của pháp luật và theo thông lệ tốt về quản trị công ty, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo đánh giá về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

I. Đánh giá chung tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2022

- Năm 2022 Công ty PV Power Services đã gặp một số khó khăn do một vài nhà máy điện gặp sự cố trong vận hành dẫn tới suy giảm doanh thu trong lĩnh vực bảo dưỡng sửa chữa của Công ty. Việc thực hiện và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Quý cổ đông giao cho đòi hỏi nỗ lực của Hội đồng Quản trị nói chung và từng thành viên Hội đồng Quản trị nói riêng.
- Hội đồng Quản trị PV Power Services là tập thể đoàn kết, nhất trí, có trình độ chuyên môn và bề dày kinh nghiệm trong quản lý, luôn công tâm, khách quan, nhận thức rõ trách nhiệm của mình với cổ đông và tâm huyết với sự phát triển của Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty gồm có 5 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch, 03 thành viên kiêm nhiệm và 01 thành viên độc lập.
- Hội đồng Quản trị Công ty đã chủ động lên kế hoạch, đề ra các giải pháp cụ thể đồng thời chỉ đạo sát sao Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản

xuất từng tháng, quý. Trong năm 2022, HĐQT chỉ đạo Công ty thực hiện bảo dưỡng sửa chữa tại các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, NMD Nhơn Trạch 2, NMD Cà Mau 1&2, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy thủy điện Hòa Na.... đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra và được các khách hàng đánh giá cao.

- Hội đồng Quản trị PV Power Services luôn chấp hành đúng các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo minh bạch, công bằng trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm túc và đã xác định rõ phương hướng, giải pháp quản trị tích cực để lãnh đạo Công ty.

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

- Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã duy trì việc họp định kỳ hàng Quý nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất kịp thời đưa ra các định hướng, chỉ đạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tổ chức các phiên họp của Hội đồng Quản trị đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng Quản trị đã nghiêm túc tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- Ngoài các phiên họp định kỳ theo Quý, Hội đồng Quản trị cũng tổ chức họp đột xuất hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để chỉ đạo các vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty như thực hiện sửa đổi các quy chế Công ty.

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

- **Về kế hoạch:** Hội đồng Quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua Kết hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, đôn đốc và giám sát Ban Giám đốc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra.
- **Về quản trị doanh nghiệp:** Công ty đã thực hiện sửa đổi một số quy chế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế trả lương, Quy chế chi tiêu nội bộ...

02:
CÓN
CỔ
I VU
N LƯ
VIỆ
TUL

- Về quan hệ cổ đông và chia cổ tức: Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật.
 - Về chế độ công bố thông tin: Hội đồng Quản trị luôn sát sao chỉ đạo kịp thời để tuân thủ các quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.
3. **Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị**
- a. **Về thù lao của Hội đồng Quản trị**
- Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách, mức thù lao là 5 triệu đồng/ người/tháng.
- b. **Về chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị**
- Tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
4. **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**
- Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.
- III. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng Quản trị**
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, năm 2023 Hội đồng Quản trị Công ty cần thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:
- Thực hiện hiệu quả, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - Tiếp tục cải tiến phương thức quản trị tại Công ty và các Chi nhánh theo hướng chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
 - Chỉ đạo nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, kết hợp thu hút nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài nhằm nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa, bảo trì tại các Nhà máy điện để các Nhà máy luôn đạt độ tin cậy cao, đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả. Qua đó khẳng định, nâng cao thương hiệu PVPS trên thị trường.
 - Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các cơ hội phát triển dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh tại các đơn vị trong và ngoài ngành.

- Chú trọng tìm kiếm cơ hội đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn và đúng quy định của pháp luật để Công ty phát triển bền vững, lâu dài trong tương lai.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.



THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Vũ Huy An



TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VN - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **41**/TTr - DVKT - HĐQT

Hà Nội, ngày **20** tháng 3 năm 2023

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Xét tờ trình số 147/TTr-DVKT-TCKT ngày 15/3/2023 của Giám đốc Công ty về việc Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam,

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

(Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán chi tiết như đính kèm).

Trân trọng./.

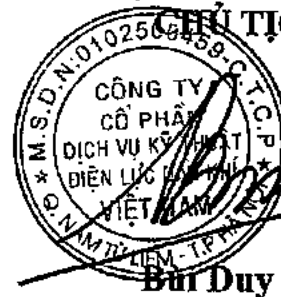
Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Huy Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Phạm Đức Nghĩa	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Mã Ngọc Kỳ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc	
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/06/2022
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/01/2023
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/02/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên	
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc


Vũ Anh Tuấn
GIÁM ĐỐC

Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số: 060323.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 06 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 07 - "Hàng tồn kho" phần thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó các chỉ phí của Ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang được Công ty theo dõi ở chỉ tiêu Hàng tồn kho với số tiền 7,085 tỷ VND theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước tại Biên bản kiểm toán ngày 28 tháng 05 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		406.386.016.649	386.981.642.135
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.917.908.231	87.271.432.992
111	1. Tiền		20.917.908.231	5.271.432.992
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	82.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	80.970.000.000	5.170.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.970.000.000	5.170.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		283.744.784.464	284.849.013.556
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	281.130.285.313	282.715.432.752
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		24.000.000	24.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.590.499.151	2.109.580.804
140	IV. Hàng tồn kho	7	20.753.323.954	9.691.195.587
141	1. Hàng tồn kho		20.753.323.954	9.691.195.587
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.669.290.882	43.678.574.313
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		32.860.000	37.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	32.860.000	37.860.000
220	II. Tài sản cố định		11.566.851.461	12.829.870.173
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.566.851.461	12.793.395.339
222	- Nguyên giá		86.061.539.988	84.983.228.074
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(74.494.688.527)	(72.189.832.735)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	36.474.834
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.288.155.290)	(2.251.680.456)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.098.181.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.098.181.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.029.579.421	23.672.662.322
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	23.029.579.421	23.672.662.322
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		446.055.307.531	430.660.216.448

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		256.755.507.221	243.072.724.482
310	I. Nợ ngắn hạn		256.755.507.221	243.072.724.482
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	192.408.254.272	179.357.987.212
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	5.635.537.036	3.933.259.488
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.009.999.109	7.430.962.332
314	4. Phải trả người lao động		36.790.748.202	32.820.313.412
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.227.705.812	1.845.835.225
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		36.818.183	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	13.675.870.284	15.589.258.499
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	-	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		970.574.323	2.095.108.314
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		189.299.800.310	187.587.491.966
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	189.299.800.310	187.587.491.966
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.612.805.734	16.900.497.390
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		142.908.378	72.552.331
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		18.469.897.356	16.827.945.059
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		446.055.307.531	430.660.216.448

gmvth

PT



Vũ Anh Tuấn
GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	259.665.241.559	237.300.824.381
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		259.665.241.559	237.300.824.381
11	4. Giá vốn hàng bán	20	203.687.953.208	184.019.281.421
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.977.288.351	53.281.542.960
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.509.014.441	2.123.739.919
22	7. Chi phí tài chính	22	155.772.242	128.203.573
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.845.994	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	39.960.371.128	34.270.421.199
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.370.159.422	21.006.658.107
31	11. Thu nhập khác	24	2.175.764.684	103.406.970
32	12. Chi phí khác	25	306.087.226	85.203.765
40	13. Lợi nhuận khác		1.869.677.458	18.203.205
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.239.836.880	21.024.861.312
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.769.939.524	4.196.916.253
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.469.897.356	16.827.945.059
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	985	905

gmrth

[Signature]



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Vũ Anh Tuấn

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.239.836.880	21.024.861.312
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.847.245.378	6.808.052.004
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		147.926.248	(16.674.825)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.507.437.410)	(2.107.065.094)
06	- Chi phí lãi vay		7.845.994	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.735.417.090	25.709.173.397
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.158.837.996	79.533.003.626
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.062.128.367)	4.071.329.743
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.973.788.574	(47.201.079.154)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		643.082.901	1.426.752.838
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.845.994)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.231.154.981)	(5.008.440.261)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.382.123.003)	(3.644.550.762)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.827.874.216	54.886.189.427
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.486.044.848)	(2.899.169.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.025.977.704	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(152.850.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		77.050.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.431.850.802	1.844.148.738
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.828.216.342)	(1.055.021.080)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.186.234.938	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.186.234.938)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.352.504.230)	(16.282.513.839)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.352.504.230)	(16.282.513.839)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(66.352.846.356)	37.548.654.508
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		87.271.432.992	49.727.074.029
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(678.405)	(4.295.545)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>20.917.908.231</u>	<u>87.271.432.992</u>

gmrth

[Signature]



GIÁM ĐỐC

Vũ Anh Tuấn

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 150.000.000.000 đồng; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 438 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 483 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng hợp đồng chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hoạt động sửa chữa bảo dưỡng, chi phí quản lý... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	232.012.685	490.304.395
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.685.895.546	4.781.128.597
Các khoản tương đương tiền	-	82.000.000.000
	<u><u>20.917.908.231</u></u>	<u><u>87.271.432.992</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	80.970.000.000	-	5.170.000.000	-
	80.970.000.000	-	5.170.000.000	-

Tại ngày 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng có giá trị 80.970.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,5%/năm đến 8,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 5.170.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam với lãi suất 3,5%/năm đang tạm ngưng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã CK	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PAI	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đang lên phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ số cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);
- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 VND/cổ phần.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện được việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	275.868.535.823	-	279.334.310.499	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	199.964.530.679	-	184.418.523.597	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.220.303.173	-	25.986.443.908	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	7.150.247.421	-	13.730.166.711	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	44.991.694.810	-	22.073.464.748	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	-	-	31.515.400	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	-	700.562.682	-
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	10.155.894.704	-	32.393.633.453	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu I	1.890.673.600	-	-	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú I	495.191.436	-	-	-
<i>Bên khác</i>	5.261.749.490	-	3.381.122.253	-
Phải thu khách hàng khác	5.261.749.490	-	3.381.122.253	-
	281.130.285.313	-	282.715.432.752	-

(*) Khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch với số dư tại thời điểm 31/12/2022 là 199,9 tỷ VND trong đó 172,2 tỷ VND (tại ngày 31/12/2021: 172,2 tỷ VND tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 06 năm 2017 của Hợp đồng số 38/PVP - PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 08 năm 2010, về việc cung cấp vật tư MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo đó chủ đầu tư và Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buyback liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải thu trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 11- Phải trả người bán ngắn hạn)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	403.200.000	-	302.400.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.202.979.589	-	254.170.685	-
Tạm ứng	146.000.000	-	1.286.286.191	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Phải thu khác	690.871.687	-	119.276.053	-
	2.590.499.151	-	2.109.580.804	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	403.200.000	-	302.400.000	-
	403.200.000	-	302.400.000	-
Bên khác	2.187.299.151	-	1.807.180.804	-
Phải thu khác	2.187.299.151	-	1.807.180.804	-
	2.590.499.151	-	2.109.580.804	-
b) Dài hạn				
Bên khác				
Phải thu khác	32.860.000	-	37.860.000	-
	32.860.000	-	37.860.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	85.732.692	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.667.591.262	-	9.691.195.587	-
- Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	7.085.595.424	-	7.085.595.424	-
- Dự án đại tu hệ thống lò hơi tổ máy 01 Vũng Áng	4.910.468.707	-	-	-
- Các dự án khác	8.671.527.131	-	2.605.600.163	-
	20.753.323.954	-	9.691.195.587	-

(*) Phần chi phí phát sinh của ban chuẩn bị sản xuất dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 đã được Công ty thực hiện điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước theo Biên bản Kiểm toán tại Công ty ngày 28 tháng 05 năm 2020. Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ quyết toán chi phí của ban chuẩn bị sản xuất dự án này khi tham gia đấu thầu dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 khi nhà máy này đi vào vận hành.

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	22.236.153.693	22.863.998.037
Chi phí trả trước dài hạn khác	793.425.728	808.664.285
	23.029.579.421	23.672.662.322

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.334.200.000	41.297.370.714	18.717.128.728	23.634.528.632	84.983.228.074
- Mua trong năm	-	1.904.034.848	-	266.250.000	2.170.284.848
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	2.413.941.818	-	2.413.941.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	(296.096.088)	(2.818.154.182)	(391.664.482)	(3.505.914.752)
Số dư cuối năm	1.334.200.000	42.905.309.474	18.312.916.364	23.509.114.150	86.061.539.988
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.237.517.493	31.292.475.493	18.014.535.875	21.645.303.874	72.189.832.735
- Khấu hao trong năm	61.802.388	2.759.673.162	1.734.713.154	1.254.581.840	5:810.770.544
- Thanh lý, nhượng bán	-	(296.096.088)	(2.818.154.182)	(391.664.482)	(3.505.914.752)
Số dư cuối năm	1.299.319.881	33.756.052.567	16.931.094.847	22.508.221.232	74.494.688.527
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	96.682.507	10.004.895.221	702.592.853	1.989.224.758	12.793.395.339
Tại ngày cuối năm	34.880.119	9.149.256.907	1.381.821.517	1.000.892.918	11.566.851.461

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.404.805.963 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2022 là 2.288.155.290 VND, khấu hao trong năm là 36.474.834 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.288.155.290 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
General Electric Global Parts and Products GMBH (*)	173.331.020.846	173.331.020.846	172.390.738.621	172.390.738.621
Công ty TNHH GE Power Việt Nam	7.779.779.455	7.779.779.455	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	11.297.453.971	11.297.453.971	6.967.248.591	6.967.248.591
	<u>192.408.254.272</u>	<u>192.408.254.272</u>	<u>179.357.987.212</u>	<u>179.357.987.212</u>

(*) Tại 31/12/2022, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH là 173,33 tỷ VND tương đương với 6.687.818,73 EUR, trong đó 172,39 tỷ VND tương đương với 6.651.432 EUR (tại ngày 31/12/2021: 172,2 tỷ VND tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buyback liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải trả trên sẽ được quyết toán. General Electric Global Parts and Products GMBH đã chấp nhận chủ trương bàn giao vật tư buyback có liên quan, đồng thời phối hợp với Công ty thực hiện các thủ tục bàn giao, dự kiến tiếp nhận và chuyển giao toàn bộ thiết bị trong quý 1 năm 2023. (Xem thông tin tại Thuyết minh số 5).

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	3.816.922.960	575.541.600
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	281.226.600
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	1.773.436.718	-
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	1.749.171.242	-
<i>Bên khác</i>	1.818.614.076	3.357.717.888
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	920.730.492	3.357.717.888
	<u>5.635.537.036</u>	<u>3.933.259.488</u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.053.574.277	13.351.712.161	17.603.602.781	-	801.683.657	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	41.715.075	41.715.075	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.189.250.583	4.769.939.524	4.231.154.981	-	2.728.035.126	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	188.137.472	2.185.932.003	1.893.789.149	-	480.280.326	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	7.430.962.332	20.354.298.763	23.775.261.986	-	4.009.999.109	-	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	221.000.000	476.190.476	-	-
- Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	926.887.500	639.000.080	-	-
- Chi phí đồng phục	1.054.800.000	-	-	-
- Chi phí phải trả khác	1.025.018.312	730.644.669	-	-
	3.227.705.812	1.845.835.225	-	-

15 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
- Kinh phí công đoàn	276.285.453	282.512.638
- Bảo hiểm xã hội	327.088.487	359.828.551
- Bảo hiểm y tế	113.799.991	117.672.446
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.539.975	3.341.268
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	9.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	882.718.286	735.222.516
- Các khoản chi phí tại các chi nhánh chưa thanh toán	10.537.457.519	12.952.470.647
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.478.730.573	1.128.460.433
	13.675.870.284	15.589.258.499

16 . VAY NGÂN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (*)	-	-	3.186.234.938	3.186.234.938	-	-
	-	-	3.186.234.938	3.186.234.938	-	-

(*) Hợp đồng tín dụng số MMD201557/HĐCĐT ngày 19/05/2015, đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số MMD201557/01 ngày 12/07/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền nhận nợ: 3.186.234.938 VND;
- + Mục đích vay: thanh toán lương;
- + Thời hạn của hợp đồng: 01 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7,49%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 0 VND
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bao lãnh với bên cho vay vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	150.000.000.000	20.686.994.576	20.696.227.047	191.383.221.623
Lãi trong năm trước	-	-	16.827.945.059	16.827.945.059
Phân phối lợi nhuận	-	-	(20.623.674.716)	(20.623.674.716)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	20.686.994.576	16.900.497.390	187.587.491.966
Số dư đầu kỳ này	150.000.000.000	20.686.994.576	16.900.497.390	187.587.491.966
Lãi trong năm nay	-	-	18.469.897.356	18.469.897.356
Phân phối lợi nhuận	-	-	(16.757.589.012)	(16.757.589.012)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19,36%	3.257.589.012
Chi trả cổ tức (bằng 9% vốn điều lệ)	80,22%	13.500.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	51,00%	76.500.000.000	51,00%
YTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18,00%
Các cổ đông khác	46.500.000.000	31,00%	46.500.000.000	31,00%
	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	735.222.516	517.736.355
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	13.500.000.000	16.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(13.352.504.230)	(16.282.513.839)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(13.352.504.230)	(16.282.513.839)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>882.718.286</u>	<u>735.222.516</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<u>20.686.994.576</u>	<u>20.686.994.576</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vintech để thuê 160 m² tầng 7 Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 03 năm kể từ ngày 10/11/2022 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	960,76	1.026,64

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	259.665.241.559	237.300.824.381
	<u>259.665.241.559</u>	<u>237.300.824.381</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>215.841.590.723</u>	<u>217.540.663.643</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	203.687.953.208	184.019.281.421
	<u>203.687.953.208</u>	<u>184.019.281.421</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)		
Tổng giá trị mua vào:	<u>1.275.033.945</u>	<u>1.125.853.120</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.078.259.706	1.804.665.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	403.200.000	302.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	27.554.735	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	16.674.825
	<u>5.509.014.441</u>	<u>2.123.739.919</u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>403.200.000</u>	<u>302.400.000</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.845.994	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	128.203.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	147.926.248	-
	<u>155.772.242</u>	<u>128.203.573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.751.701.446	1.644.705.447
Chi phí nhân công	25.103.585.777	22.344.401.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	795.532.065	954.783.261
Thuế, phí, lệ phí	156.968.666	88.052.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.292.178.764	6.091.257.658
Chi phí khác bằng tiền	3.860.404.410	3.147.220.750
	39.960.371.128	34.270.421.199

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.025.977.704	-
Tiền phạt thu được	18.898.336	102.497.880
Truy thu lương chi vượt năm 2021 Người đại diện	802.856.500	-
Thu nhập khác	328.032.144	909.090
	2.175.764.684	103.406.970

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng	10.455.300	62.163.359
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	266.948.673	23.040.406
Chi phí khác	28.683.253	-
	306.087.226	85.203.765

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.239.836.880	21.024.861.312
Các khoản điều chỉnh tăng	594.415.926	262.119.951
- Chi phí không hợp lệ	594.415.926	262.119.951
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.335.895.404)	(340.339.984)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(403.200.000)	(302.400.000)
- Điều chỉnh giảm chi phí trích trước năm 2021	(633.861.916)	-
- Thu nhập chịu thuế theo quyết toán năm trước	(298.833.488)	(37.939.984)
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.498.357.402	20.946.641.279
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	270.268.044	7.587.997
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.769.939.524	4.196.916.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.189.250.583	3.000.774.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.231.154.981)	(5.008.440.261)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.728.035.126	2.189.250.583

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.469.897.356	16.827.945.059
Các khoản điều chỉnh:	(3.693.979.471)	(3.257.589.012)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(3.693.979.471)	(3.257.589.012)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.775.917.885	13.570.356.047
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	985	905

(*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 28/04/2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 82/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 28/04/2022. Theo đó, giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cụ thể như sau:

	Năm 2021 (Số đã báo cáo)	Năm 2021 (Số trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	16.827.945.059	16.827.945.059
Các khoản điều chỉnh:	(3.365.589.012)	(3.257.589.012)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(3.365.589.012)	(3.257.589.012)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.462.356.047	13.570.356.047
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	897	905

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.631.869.489	9.239.987.845
Chi phí nhân công	150.508.697.931	144.461.300.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.847.245.378	6.808.052.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.119.328.507	31.419.844.209
Chi phí khác bằng tiền	30.666.964.664	22.494.920.767
	253.774.105.969	214.424.105.127

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAI)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu năm, kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.841.590.723	217.540.663.643
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	32.538.237.069	17.004.848.683
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	68.765.399.220	43.919.479.827
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	51.167.137.098	64.685.778.787
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	14.384.434.726	31.079.343.680
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	45.202.423.536	54.501.377.240
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	-	3.000.004.806
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	907.185.369	3.349.830.620
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	1.750.623.704	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.126.150.001	-
Mua hàng hóa dịch vụ	1.275.033.945	1.125.853.120
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	1.146.413.545	982.219.885
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	128.620.400	143.633.235
Cổ tức lợi nhuận được chia	403.200.000	302.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	403.200.000	302.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị		
Bùi Duy Nhị	955.413.476	955.745.558
Vũ Huy Quang	12.000.000	36.000.000
Phạm Đức Nghĩa	12.000.000	36.000.000
Vũ Anh Tuấn	(*)	(*)
Mã Ngọc Kỳ	12.000.000	36.000.000
Phan Ngọc Anh	40.000.000	-
Hoàng Hà Quỳnh Giao	40.000.000	-
Vũ Huy An	40.000.000	-

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Vũ Anh Tuấn	955.413.476	955.745.558
Phan Xuân Thắng	699.077.855	416.182.150
Vũ Quang Dũng	111.735.636	736.440.627
Phùng Văn Đức	733.487.347	736.440.627
Lê Văn Tu	328.225.498	-

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Kiểm soát		
Phạm Hùng Anh	642.809.642	638.687.946
Nguyễn Quang Đông	32.000.000	24.000.000
Lữ Văn Thụ	8.000.000	24.000.000
Nghiêm Thị Phượng	24.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lậpLê Đình Thái
Kế toán trưởng
GIÁM ĐỐC
Vũ Anh TuấnVũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số: **42**/TTr/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày **20** tháng 3 năm 2023

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022,
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023**

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 16/02/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế Quản lý Tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services);

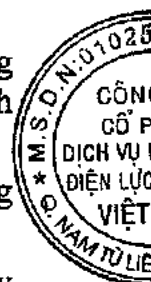
Căn cứ Quyết định số 112/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 10/6/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc Giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022,

Xét Tờ trình số 148/TTr-DVKT-TCKT ngày 15/3/2023 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023,

Hội đồng Quản trị PV Power Services kính trình Đại Hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

I. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận còn lại đến hết năm 2022

TT	KHOẢN MỤC	Phân phối lợi nhuận thực hiện 2022 (đồng)	
		Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
I	Lợi nhuận sau thuế	16.163.000.000	18.469.897.356
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	16.163.000.000	18.469.897.356
II	Phân chia, trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế	3.232.600.000	3.693.979.471
1	Quỹ phúc lợi tập thể (10%)	1.616.300.000	1.846.989.736
2	Quỹ khen thưởng (10%)	1.616.300.000	1.846.989.736
III	Lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức	13.073.308.378	14.918.826.263
1	Lợi nhuận năm trước chưa chia hết	142.908.378	142.908.378
2	Lãi ròng thực hiện năm 2022	12.930.400.000	14.775.917.885



TT	KHOẢN MỤC	Phân phối lợi nhuận thực hiện 2022 (đồng)	
		Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
IV	Lãi chia cổ tức năm nay	12.900.000.000	14.850.000.000
V	Tỷ lệ cổ tức/cổ phần	8.60%	9.90%
VI	Lợi nhuận để lại chia cổ tức kỳ sau	173.308.378	68.826.263

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

TT	KHOẢN MỤC	Đơn vị tính	Số tiền
I	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	20,77
II	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	16,62
III	Trích lập các quỹ	tỷ đồng	3,32
1	Quỹ phúc lợi tập thể (10%)	tỷ đồng	1,66
2	Quỹ khen thưởng (10%)	tỷ đồng	1,66
IV	Lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức	tỷ đồng	13,29
V	Tỷ lệ cổ tức/ cổ phần	%	8.9%

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông Công ty xem xét và phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi:

- Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power).

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services) kính trình Đại hội đồng Cổ đông và PV Power danh sách các đơn vị kiểm toán để Công ty lựa chọn như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (đơn vị đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019);
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (đơn vị đã kiểm toán năm 2020, 2021, 2022).

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông và PV Power thông qua danh sách các công ty kiểm toán và giao Ban Giám đốc Công ty lựa chọn theo quy định, trình kết quả lựa chọn cho Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS



Số: 79 /TTr-DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc phê duyệt tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm
soát năm 2022, dự kiến tiền lương/thù lao Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

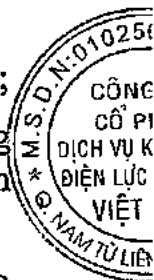
Xét Tờ trình số 230/TTr-DVKT-TCKT ngày 18/4/2023 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt tiền lương/thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và dự kiến tiền lương/thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023,

Hội đồng Quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông tiền lương/thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và xin phê duyệt kế hoạch tiền lương/thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 như sau:

1. Tiền lương/thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/ thù lao năm
I	Hội đồng Quản trị		2.066.826.952
1	Chủ tịch HĐQT	1	955.413.476
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	955.413.476
3	TV HĐQT kiêm nhiệm	2	104.000.000
4	TV độc lập HĐQT	1	52.000.000
II	Ban kiểm soát		706.809.642
1	Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách)	1	642.809.642
2	TV BKS kiêm nhiệm	2	64.000.000
Tổng cộng			2.773.636.594



2. Kế hoạch tiền lương/thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023

2.1. Dự kiến tiền lương/thù lao HĐQT năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	960.000.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	960.000.000
3	TV HĐQT chuyên trách	1	720.000.000
4	TV HĐQT kiêm nhiệm	1	60.000.000
5	TV độc lập HĐQT	1	60.000.000
	Tổng cộng	5	2.760.000.000

2.2. Dự kiến tiền lương/thù lao BKS năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm
1	Trưởng BKS kiêm nhiệm	1	60.000.000
2	TV BKS kiêm nhiệm	2	72.000.000
	Tổng cộng	3	132.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

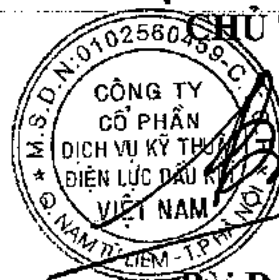
Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Duy Nhị

Số : 83 /TTr - DVKT - HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 684/ĐLDK-TCNS ngày 19/4/2023 của Cổ đông lớn - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) về việc thay đổi Người đại diện của PV Power tại PV Power Services;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19/4/2023 của Hội đồng Quản trị về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông:

I. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị và giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị:

1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đối Ông Phan Ngọc Anh, sinh ngày 11/01/1980, Kỹ sư Thiết bị điện - Điện tử do điều động của cổ đông lớn PV Power.
2. Giới thiệu Ông Hồ Nguyễn Hoàng, sinh ngày 10/10/1982, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Phó Trưởng Ban Thương mại PV Power tham gia Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam và ứng cử



giữ chức Thành viên Hội đồng Quản trị, hoạt động theo chế độ chuyên trách theo giới thiệu của cổ đông lớn PV Power.

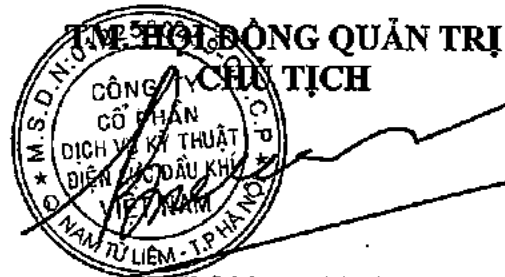
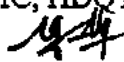
II. Thông qua miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát và giới thiệu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát:

1. Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đối với Ông Phạm Hùng Anh, sinh ngày 17/8/1974, Cử nhân Tài chính Kế toán do cổ đông lớn PV Power thôi giới thiệu tham gia nhiệm kỳ mới.
2. Giới thiệu Bà Nguyễn Thị Mai Hoa, sinh ngày 22/02/1977, Cử nhân Tài chính Kế toán, Người Phụ trách Kiểm toán nội bộ tham gia Ban Kiểm soát PV Power Services và ứng cử giữ chức Kiểm soát viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm theo giới thiệu của cổ đông lớn PV Power.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCHC, HĐQT.



Bùi Duy Nhị

